

QUYẾT ĐỊNH

Ban hành Kế hoạch hành động thực hiện Nghị quyết số 01/NQ-CP ngày 01/01/2021 của Chính phủ về nhiệm vụ, giải pháp chủ yếu thực hiện Kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội và Dự toán ngân sách nhà nước năm 2021 trên địa bàn tỉnh Gia Lai

CHỦ TỊCH ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19 tháng 6 năm 2015;

Căn cứ Nghị quyết số 01/NQ-CP ngày 01 tháng 01 năm 2021 của Chính phủ về những nhiệm vụ, giải pháp chủ yếu chỉ đạo điều hành thực hiện Kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội và Dự toán ngân sách nhà nước năm 2021;

Căn cứ Nghị quyết số 01-NQ/TU ngày 30 tháng 11 năm 2020 của Tỉnh ủy về Nghị quyết Hội nghị lần thứ hai ban chấp hành Đảng bộ tỉnh Gia Lai lần thứ XVI về chỉ tiêu, nhiệm vụ năm 2021;

Căn cứ Nghị quyết số 273/NQ-HĐND ngày 10 tháng 12 năm 2020 của Hội đồng nhân dân tỉnh khóa XI tại kỳ họp thứ 16 về tình hình thực hiện nhiệm vụ năm 2020 và kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội năm 2021;

Theo đề nghị của Giám đốc Sở Kế hoạch và Đầu tư tại văn bản số 82/SKHĐT-TH ngày 13 tháng 01 năm 2021.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Ban hành kèm theo Quyết định này Kế hoạch hành động thực hiện Nghị quyết số 01/NQ-CP ngày 01 tháng 01 năm 2021 của Chính phủ về nhiệm vụ, giải pháp chủ yếu chỉ đạo điều hành thực hiện Kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội và Dự toán ngân sách nhà nước năm 2021 trên địa bàn tỉnh Gia Lai.

Điều 2. Chánh Văn phòng Ủy ban nhân dân tỉnh; giám đốc các sở; thủ trưởng các ban, ngành, doanh nghiệp thuộc tỉnh; chủ tịch Ủy ban nhân dân các huyện, thị xã, thành phố; thủ trưởng các cơ quan, đơn vị và tổ chức, cá nhân có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này.

Quyết định này có hiệu lực thi hành kể từ ngày ký. *T.T.*

Nơi nhận:

- Như điều 2;
- VP Chính phủ (báo cáo);
- Các bộ: KH và ĐT, Tài chính (báo cáo);
- TTr. Tỉnh ủy, TTr. HĐND tỉnh (báo cáo);
- TTr. UB MTTQVN tỉnh;
- Chủ tịch, các PCT UBND tỉnh;
- Các Ban thuộc Tỉnh ủy;
- Văn phòng Tỉnh ủy;
- Văn phòng HĐND tỉnh;
- Văn phòng Đoàn ĐBQH tỉnh;
- Các tổ chức Hội, Đoàn thể;
- CVP, các PVP UBND tỉnh;
- Website tỉnh; Báo GL, Đài PTTH;
- Lưu: VT, CV các khối, KTTH.

CHỦ TỊCH



Võ Ngọc Thành





KẾ HOẠCH HÀNH ĐỘNG

Thực hiện Nghị quyết số 01/NQ-CP ngày 01/01/2021 của Chính phủ về
nhiệm vụ, giải pháp chủ yếu chỉ đạo điều hành thực hiện
Kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội và Dự toán ngân sách nhà nước năm 2021
trên địa bàn tỉnh Gia Lai
(Kèm theo Quyết định số 38 /QĐ-UBND ngày 18/01/2021 của
Chủ tịch UBND tỉnh Gia Lai)

I. BỐI CẢNH, TÌNH HÌNH NĂM 2020, PHƯƠNG CHÂM HÀNH ĐỘNG VÀ TRỌNG TÂM CHỈ ĐẠO ĐIỀU HÀNH CỦA UBND TỈNH NĂM 2021

Năm 2020, bối cảnh kinh tế nước ta gặp nhiều khó khăn, thách thức, chịu ảnh hưởng nghiêm trọng của đại dịch Covid-19 và thiên tai, lũ lụt. Được sự quan tâm của Chính phủ và các bộ, ngành trung ương; sự chỉ đạo của Tỉnh ủy; sự giám sát của Hội đồng nhân dân tỉnh; sự phối hợp của Mặt trận, các tổ chức đoàn thể; sự nỗ lực phấn đấu của các ngành, các cấp, nhân dân và các doanh nghiệp, tỉnh ta cơ bản đã đạt được “mục tiêu kép” vừa phòng, chống dịch Covid-19, vừa phục hồi và phát triển kinh tế - xã hội, bảo đảm đời sống, sức khỏe nhân dân, quốc phòng an ninh, trật tự an toàn xã hội ổn định. 14/21 chỉ tiêu kinh tế - xã hội chủ yếu đạt và vượt kế hoạch đề ra, tốc độ tăng trưởng kinh tế (GRDP) đạt 6,3%, thu hút đầu tư và số lượng doanh nghiệp thành lập mới đạt kết quả tích cực. Công tác an sinh xã hội được đảm bảo, các lĩnh vực văn hóa, giáo dục và đào tạo, thông tin truyền thông, lao động việc làm, khoa học - công nghệ tiếp tục phát triển. Công tác đối ngoại được tăng cường. Các vấn đề bức xúc xã hội, khiếu nại tố cáo được quan tâm giải quyết. An ninh chính trị, an ninh biên giới, trật tự an toàn xã hội được đảm bảo. Kết quả này tạo không khí phấn khởi trong toàn xã hội, củng cố niềm tin và khát vọng của nhân dân trên địa bàn tỉnh.

Năm 2021 có ý nghĩa đặc biệt quan trọng, là năm tổ chức Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ XIII của Đảng, bầu cử Quốc hội khóa XV, bầu cử Hội đồng nhân dân các cấp nhiệm kỳ 2021-2026 và là năm đầu tiên thực hiện Nghị quyết Đại hội Đại biểu tỉnh Đảng bộ tỉnh lần thứ XVI nhiệm kỳ 2020-2025; Chiến lược phát triển kinh tế - xã hội 10 năm 2021-2030 và Kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội 5 năm 2021-2025.

Tình hình thế giới, khu vực dự báo tiếp tục diễn biến phức tạp khó lường, cạnh tranh chiến lược giữa một số quốc gia, khu vực tiếp tục diễn ra gay gắt. Đại dịch Covid-19 chưa thể sớm kết thúc, tác động tiêu cực có thể kéo dài, ảnh hưởng đến tăng trưởng kinh tế, nhất là đầu tư ngoài ngân sách, thương mại, dịch vụ, du lịch, vận tải hàng không. Tỉnh ta, kinh tế năm qua ghi nhận những kết quả tích cực từ thành công trong việc thực hiện “mục tiêu kép” nhưng tác động của dịch bệnh, biến đổi khí hậu, thiên tai cùng với xu hướng mới về dịch chuyển đầu tư, thương mại, chuyển đổi số và sự thay đổi nhanh chóng của các mô hình kinh doanh, phương thức sản xuất, tiêu dùng mới... sẽ đặt ra yêu cầu mới trong công tác lãnh đạo, chỉ đạo điều hành và sự nỗ lực của cả hệ thống chính trị, doanh nghiệp và nhân dân trong năm 2021.

Mục tiêu của kế hoạch năm 2021 là tiếp tục phát triển kinh tế - xã hội ổn định và bền vững, trong đó tập trung vào 04 chương trình trọng tâm mà Nghị quyết Đại hội đại biểu Đảng bộ tỉnh lần thứ XVI đề ra⁽¹⁾ và Chương trình MTQG phát triển kinh tế - xã hội vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi trên địa bàn tỉnh giai đoạn 2021-2025; đẩy mạnh cơ cấu lại kinh tế; phát triển kết cấu hạ tầng, phát triển đô thị; huy động mọi nguồn lực, nâng cao năng lực nội tại kết hợp với thu hút nguồn lực từ bên ngoài. Tiếp tục phát triển nông nghiệp công nghệ cao, liên kết theo chuỗi giá trị. Nâng cao chỉ số năng lực cạnh tranh cấp tỉnh (PCI), chỉ số cải cách hành chính. Ứng dụng công nghệ số để nâng cao năng suất lao động trong từng ngành, lĩnh vực; tạo môi trường thông thoáng, thuận lợi cho đầu tư, sản xuất kinh doanh. Đẩy mạnh tiến độ thực hiện các công trình, dự án trọng điểm. Tìm kiếm thị trường đầu ra cho các sản phẩm chủ lực; phát triển du lịch có trọng tâm, trọng điểm và theo chuỗi. Bảo đảm an sinh xã hội và chăm lo đời sống nhân dân; phát triển giáo dục - đào tạo gắn với sắp xếp lại mạng lưới trường lớp và nâng cao chất lượng nguồn nhân lực. Chủ động phòng chống thiên tai, ứng phó hiệu quả với biến đổi khí hậu, tăng cường quản lý tài nguyên và bảo vệ môi trường. Thực hành tiết kiệm, chống lãng phí; tăng cường công tác phòng, chống tham nhũng. Giữ vững an ninh chính trị và trật tự, an toàn xã hội. Nâng cao hiệu quả công tác đối ngoại; chủ động, tích cực hội nhập quốc tế.

Kế thừa những kết quả quan trọng đã đạt được, quyết tâm vượt qua mọi trở ngại, thách thức, tận dụng mọi thời cơ, thực hiện thắng lợi nhiệm vụ, mục tiêu Kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội và dự toán ngân sách nhà nước năm 2021, với chủ đề của năm 2021 là ***"Tiếp tục cải cách hành chính, cải thiện môi trường đầu tư, siết chặt kỷ cương, kỷ luật hành chính trong các cơ quan đơn vị"***, Chủ tịch UBND tỉnh yêu cầu UBND các huyện, thị xã, thành phố; các sở, ban, ngành, các cơ quan, đơn vị và doanh nghiệp nỗ lực phấn đấu, khắc phục mọi khó khăn để hoàn thành cao nhất các mục tiêu, nhiệm vụ trên các lĩnh vực (tại phụ lục 1, 2, 3 ban hành kèm theo Quyết định này), với 08 trọng tâm trong chỉ đạo, điều hành như sau:

1. Quyết liệt hành động nhanh để xây dựng, triển khai thực hiện hiệu quả mục tiêu, nhiệm vụ, giải pháp của Kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội 5 năm giai đoạn 2021-2025 và 04 chương trình trọng tâm mà Nghị quyết Đại hội đại biểu Đảng bộ tỉnh đề ra, Chương trình MTQG phát triển kinh tế - xã hội vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi trên địa bàn tỉnh giai đoạn 2021-2025 ngay trong năm đầu của nhiệm kỳ.

2. Tiếp tục thực hiện linh hoạt, hiệu quả "mục tiêu kép" vừa phòng, chống dịch bệnh, bảo vệ sức khỏe nhân dân, vừa phục hồi và phát triển kinh tế - xã hội trong trạng thái bình thường mới. Triển khai nghiêm túc, đồng bộ, hiệu quả các chính sách tháo gỡ khó khăn cho sản xuất, kinh doanh và hỗ trợ doanh nghiệp, người dân để thúc đẩy phát triển kinh tế - xã hội. Chủ động chuẩn bị phương án, kịch bản, biện pháp ứng phó hiệu quả với những biến động, vấn đề mới phát sinh.

3. Triển khai đầy đủ, kịp thời các cơ chế, chính sách của Chính phủ, đồng thời rà soát để sửa đổi các chính sách đặc thù của tỉnh nhằm khơi thông nguồn lực, tạo

¹ (1) Xây dựng kết cấu hạ tầng đồng bộ, nhất là hạ tầng các vùng động lực; (2) Đẩy mạnh thu hút các nguồn lực đầu tư cho phát triển nông nghiệp, công nghiệp chế biến, công nghiệp năng lượng tái tạo và du lịch; (3) Phát triển lâm nghiệp theo hướng bền vững, tăng cường sinh kế, nâng cao tỷ lệ che phủ rừng thích ứng với biến đổi khí hậu; (4) Nâng cao chất lượng đội ngũ cán bộ các cấp đủ phẩm chất, năng lực và uy tín, ngang tầm nhiệm vụ.

môi trường đầu tư, kinh doanh bình đẳng, thông thoáng, thuận lợi. Tăng cường kỷ cương, kỷ luật, hiệu quả thực thi pháp luật và sự chỉ đạo, điều hành. Đẩy mạnh phòng chống tham nhũng, lãng phí. Tăng cường trách nhiệm của người đứng đầu, chủ động công tác phối hợp giữa các ngành, các cấp để giải quyết các khó khăn, vướng mắc trong thực thi nhiệm vụ. Hoàn thành tiến độ, đảm bảo chất lượng các nội dung theo kế hoạch, chương trình làm việc của Tỉnh ủy, HĐND, UBND tỉnh.

4. Tập trung phát triển toàn diện nguồn nhân lực, khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo gắn với khơi dậy khát vọng phát triển đất nước, lòng tự hào dân tộc, ý chí tự cường, tinh thần đoàn kết và phát huy giá trị văn hoá, con người Việt Nam. Thực hiện đổi mới căn bản, toàn diện và nâng cao chất lượng giáo dục đào tạo, nhất là giáo dục nghề nghiệp. Chú trọng đào tạo nhân lực chất lượng cao; đẩy mạnh thu hút, trọng dụng nhân tài. Xây dựng đội ngũ cán bộ lãnh đạo, quản lý, công chức có phẩm chất tốt, chuyên nghiệp, dám nghĩ, dám làm, tận tụy, phục vụ nhân dân. Tăng cường ứng dụng khoa học công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số để tạo bứt phá về năng suất, chất lượng, hiệu quả và sức cạnh tranh. Phát triển hệ thống đổi mới sáng tạo, khởi nghiệp sáng tạo.

5. Tiếp tục thực hiện Kế hoạch hành động số 648/KH-UBND ngày 29/3/2019 của Ủy ban nhân dân tỉnh về thực hiện Nghị quyết số 17/NQ-CP ngày 07/3/2019 của Chính phủ về một số nhiệm vụ, giải pháp trọng tâm phát triển Chính phủ điện tử giai đoạn 2019-2020, định hướng đến 2025; Kế hoạch số 2415/KH-UBND ngày 03/12/2020 của Ủy ban nhân dân tỉnh về Chuyển đổi số trên địa bàn tỉnh Gia Lai giai đoạn 2021-2025 để góp phần đẩy mạnh cải cách hành chính, nâng cao năng lực cạnh tranh, xây dựng Chính quyền số, kinh tế số, xã hội số trên địa bàn tỉnh.

6. Tiếp tục hoàn thiện hệ thống kết cấu hạ tầng kinh tế, xã hội đồng bộ, hiện đại ưu tiên phát triển hạ tầng trọng yếu, có tính lan toả, liên kết về giao thông; công nghệ thông tin (CNTT), hạ tầng ứng phó với biến đổi khí hậu. Đẩy nhanh tiến độ thực hiện các dự án kết cấu hạ tầng quan trọng; phát huy vai trò các vùng động lực, các đô thị lớn. Triển khai Đề án xây dựng thành phố Pleiku theo hướng đô thị thông minh.

7. Tiếp tục củng cố và xây dựng khu vực phòng thủ, giữ vững nền quốc phòng toàn dân, an ninh nhân dân, an ninh biên giới, nhất là tại các địa bàn trọng điểm vùng biên giới. Nâng cao hiệu quả hoạt động đối ngoại và hội nhập quốc tế.

8. Chủ động thực hiện tốt công tác thông tin, truyền thông, tạo đồng thuận xã hội, lan tỏa khát vọng xây dựng tỉnh Gia Lai giàu mạnh; phát huy tinh thần thi đua yêu nước, đổi mới sáng tạo ở tất cả các ngành, các cấp; tổ chức tốt các sự kiện, lễ kỷ niệm lớn của đất nước. Phát huy sức mạnh của khối đại đoàn kết toàn dân tộc, phối hợp chặt chẽ giữa các cơ quan, tổ chức, Ủy ban Mặt trận Tổ quốc, đoàn thể các cấp để thực hiện thắng lợi các mục tiêu, nhiệm vụ đã đề ra.

II. NHIỆM VỤ VÀ GIẢI PHÁP CHỦ YẾU

1. Triển khai các chương trình trọng tâm mà Nghị quyết Đại hội đại biểu Đảng bộ tỉnh đề ra; triển khai ngay kế hoạch, chương trình hành động phát triển kinh tế - xã hội

1.1. Xây dựng dự thảo Nghị quyết đồng thời với Chương trình hành động để thực hiện 04 chương trình trọng tâm mà Nghị quyết Đại hội đại biểu Đảng bộ tỉnh đề ra, Chương trình MTQG phát triển kinh tế - xã hội vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi trên địa bàn tỉnh giai đoạn 2021-2025 đảm bảo tính gắn kết; số liệu thống

nhất, chính xác; xác định rõ quan điểm, mục tiêu, định hướng, giải pháp để khi Nghị quyết được ban hành chính thức thì kịp thời phê duyệt chương trình hành động triển khai thực hiện ngay.

1.2. Xây dựng, ban hành chương trình hành động tổ chức triển khai thực hiện Nghị quyết Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ XIII, Nghị quyết Đại hội đại biểu tỉnh Đảng bộ lần thứ XVI.

1.3. Tổ chức xây dựng, ban hành Kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội 5 năm, Kế hoạch tài chính 5 năm, và kế hoạch đầu tư công 5 năm 2021-2025; triển khai quyết liệt, hiệu quả các nhiệm vụ, giải pháp để thực hiện Kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội năm 2021 của tỉnh.

2. Tiếp tục thực hiện linh hoạt, hiệu quả “mục tiêu kép” vừa phòng, chống đại dịch Covid-19, vừa phát triển kinh tế - xã hội

2.1. Tăng cường lãnh đạo, chỉ đạo, tuyên truyền nâng cao ý thức phòng, chống dịch, tuyệt đối không chủ quan trước dịch bệnh; vừa phát triển kinh tế xã hội, vừa sẵn sàng phòng, chống dịch. Kiểm soát phù hợp người nhập cảnh, ngăn chặn hiệu quả nguồn bệnh xâm nhập từ bên ngoài. Kiểm soát chặt chẽ đường biên, bắt giữ các đối tượng nhập cảnh trái phép đưa đi cách ly theo quy định.

2.2. Chủ động bố trí nguồn lực và triển khai các giải pháp phù hợp, kịp thời để tháo gỡ khó khăn, hỗ trợ doanh nghiệp, người dân, người lao động bị mất việc, thiếu việc làm, bị giảm thu nhập do ảnh hưởng nặng nề bởi đại dịch Covid-19, khôi phục sản xuất, kinh doanh, nhất là trong các ngành công nghiệp, dịch vụ, du lịch, vận tải...

3. Tiếp tục cải thiện môi trường đầu tư, kinh doanh tạo thuận lợi phát triển kinh tế xã hội; nâng cao khả năng thích ứng và sức chống chịu của nền kinh tế

3.1. Tập trung rà soát, tháo gỡ khó khăn để hỗ trợ các nhà đầu tư trong quá trình tìm hiểu, triển khai thực hiện các dự án trên địa bàn, nhất là các dự án lớn, có sức lan tỏa. Tiếp tục thực hiện tốt các cơ chế, chính sách khuyến khích, ưu đãi đầu tư, chính sách hỗ trợ doanh nghiệp đã ban hành; đồng thời rà soát, bổ sung, cập nhật kịp thời các quy hoạch, kế hoạch, các quy định pháp luật, chính sách, thủ tục về đầu tư, môi trường, đất đai...; đề xuất sửa đổi, bổ sung và ban hành một số cơ chế chính sách về quy trình thủ tục đầu tư theo Luật Đầu tư năm 2020 và các văn bản hướng dẫn của Trung ương phù hợp với đặc thù của địa phương để hỗ trợ nhà đầu tư tìm hiểu môi trường đầu tư, triển khai lập quy hoạch chi tiết và lập dự án đầu tư. Đôn đốc các nhà đầu tư triển khai dự án đúng quy định, xem xét thu hồi các dự án chậm tiến độ hoặc nhà đầu tư không đủ năng lực thực hiện. Xây dựng danh mục các dự án kêu gọi đầu tư giai đoạn 2021-2025.

3.2. Phối hợp với các cơ quan thông tấn báo chí, tham gia các hội nghị, hội thảo diễn đàn, tọa đàm trong nước và nước ngoài để quảng bá, kêu gọi, thu hút đầu tư vào tỉnh Gia Lai; tăng cường các hoạt động xúc tiến đầu tư trực tuyến (online), đẩy mạnh áp dụng kinh tế số trong công tác xúc tiến đầu tư. Xây dựng Chương trình xúc tiến đầu tư năm 2021.

3.3. Triển khai việc đánh giá năng lực cạnh tranh cấp sở, ngành, địa phương năm 2021 (DDCI) nhằm cải thiện môi trường đầu tư nâng cao năng lực cạnh tranh cấp tỉnh (PCI) để thu hút ngày càng nhiều nhà đầu tư có tiềm năng, tiềm lực kinh tế đầu tư vào tỉnh. Nâng cao vai trò, trách nhiệm của Hội đồng tháo gỡ khó khăn vướng

mắc, hỗ trợ cho nhà đầu tư triển khai dự án và vai trò, trách nhiệm của Tổ xúc tiến đầu tư tại các huyện, thị xã, thành phố.

3.4. Tăng cường công tác phân tích, dự báo, rà soát, xác định kịp thời và đánh giá nhân tố ảnh hưởng tăng trưởng kinh tế; đồng thời, triển khai thực hiện đầy đủ, kịp thời các chính sách của Chính phủ và của tỉnh; kịp thời tháo gỡ khó khăn, tạo điều kiện cải thiện môi trường đầu tư, kinh doanh, thúc đẩy tăng trưởng kinh tế.

4. Đẩy mạnh thực hiện cơ cấu lại kinh tế gắn với tăng trưởng theo chiều sâu, nâng cao năng suất, chất lượng, hiệu quả, tính tự chủ và sức cạnh tranh của nền kinh tế dựa trên nền tảng khoa học công nghệ, đổi mới sáng tạo và những thành tựu của Cách mạng công nghiệp lần thứ tư.

4.1. Tiếp tục chuyển đổi cơ cấu cây trồng, sản phẩm phù hợp với lợi thế và nhu cầu thị trường, thích ứng với biến đổi khí hậu, nâng cao giá trị gia tăng và phát triển bền vững, ứng dụng công nghệ cao, gắn với bảo quản, chế biến và tiêu thụ theo chuỗi giá trị; thúc đẩy phát triển sản xuất nông nghiệp quy mô lớn theo yêu cầu thị trường, đảm bảo đủ nguyên liệu cho các nhà máy chế biến trên địa bàn tỉnh hoạt động ổn định và phát huy hết công suất thiết kế. Khuyến khích phát triển nông nghiệp xanh, sạch, nông nghiệp sinh thái, nông nghiệp hữu cơ, nông nghiệp công nghệ cao, thông minh, thích ứng với biến đổi khí hậu. Tập trung triển khai các Nghị quyết của Tỉnh ủy về bảo tồn, phát triển cây dược liệu và phát triển sản xuất rau, hoa, và cây ăn quả. Phần đầu tốc độ tăng giá trị sản xuất ngành nông nghiệp đạt 5,45% trở lên.

Khuyến khích các doanh nghiệp đầu tư vào chăn nuôi theo hướng ứng dụng công nghệ cao, công nghệ tự động, thông minh. Thu hút nhà đầu tư xây dựng nhà máy chế biến gia súc, gia cầm tập trung, hiện đại; dự án xây dựng nhà máy sản xuất thức ăn chăn nuôi, nhà máy sản xuất phân hữu cơ.

Phát triển nuôi trồng thủy sản theo hướng thâm canh, bán thâm canh (tận dụng tốt mặt nước các lưu vực sông, công trình thủy lợi, thủy điện để đẩy mạnh phát triển nuôi cá lồng, bè, tăng năng suất nuôi trồng); áp dụng quy trình kỹ thuật, ứng dụng khoa học công nghệ vào sản xuất, nuôi trồng. Phát triển các loại thủy sản truyền thống, lựa chọn giống mới có chất lượng, giá trị kinh tế cao đảm bảo an toàn dịch bệnh, an toàn thực phẩm gắn với bảo tồn và phát triển nguồn lợi thủy sản. Phần đầu tốc độ tăng giá trị sản xuất ngành thủy sản đạt 16,8% trở lên.

Triển khai hiệu quả các chương trình, kế hoạch về quản lý, bảo vệ, phát triển rừng. Xây dựng kế hoạch trồng rừng và có phương án trồng rừng cụ thể ngay từ đầu năm. Tạo mọi điều kiện thuận lợi về cơ chế, khuyến khích các doanh nghiệp, tổ chức, hộ gia đình, cá nhân tham gia trồng rừng. Phần đầu năm 2021 trồng thêm 8.000 ha rừng, nâng tỷ lệ che phủ rừng trên địa bàn tỉnh lên 47%. Phần đầu tốc độ tăng giá trị sản xuất ngành lâm nghiệp đạt 11,45% trở lên.

Theo dõi chặt chẽ tình hình thời tiết, khí hậu để có hướng dẫn kịp thời việc điều tiết nước, phục vụ sản xuất; phối hợp các địa phương, đơn vị quản lý khai thác công trình thủy lợi tu sửa, nạo vét công trình, vận hành điều tiết và tích nước hợp lý đảm bảo phục vụ tốt cho sản xuất nông nghiệp. Triển khai phương án kế hoạch phòng, chống thiên tai, bão, lũ lụt, lũ quét, sạt lở đất với phương châm 4 tại chỗ, sẵn sàng ứng phó với mọi tình huống.

Đẩy mạnh xây dựng nông thôn mới gắn với nâng cao chất lượng đời sống của người dân. Phần đầu đến năm 2021, toàn tỉnh có 107 xã đạt chuẩn nông thôn mới;

bình quân mỗi xã đạt 15,96 tiêu chí. Các địa phương đẩy mạnh việc thực hiện thôn, làng đạt chuẩn nông thôn mới. Tăng cường sự lãnh đạo của cấp ủy đảng trong xây dựng nông thôn mới tại các làng đồng bào dân tộc thiểu số theo Chỉ thị số 12-CT/TU của Ban Thường vụ Tỉnh ủy.

Triển khai các chương trình, đề án, phát triển thị trường tiêu thụ nông sản; hỗ trợ nông dân, doanh nghiệp xây dựng phát triển thương hiệu, gắn với quảng bá sản phẩm. Đẩy mạnh thu hút doanh nghiệp và các thành phần kinh tế đầu tư vào nông nghiệp, nông thôn, tạo điều kiện thuận lợi để các doanh nghiệp và các hợp tác xã nông nghiệp tham gia vào liên kết sản xuất gắn với tiêu thụ sản phẩm nông nghiệp chủ lực của tỉnh theo Nghị định 98/2018/NĐ-CP, nhất là các doanh nghiệp có thể mạnh như Tập đoàn Lộc Trời, Công ty cổ phần xuất nhập khẩu thực phẩm Đồng Giao, Công ty TNHH Vĩnh Hiệp...; triển khai xây dựng, thực hiện mô hình điểm về hợp tác xã nông nghiệp ứng dụng công nghệ cao, hợp tác xã liên kết theo chuỗi trên các sản phẩm đặc trưng, sản phẩm OCOP và phát triển hợp tác xã dịch vụ, du lịch ở vùng nông thôn; xây dựng sản phẩm OCOP với chủ thể sản xuất là các hợp tác xã nông nghiệp.

4.2. Đẩy mạnh chuyển dịch cơ cấu ngành công nghiệp theo hướng tăng tỷ trọng các ngành chế biến sâu, chế tạo, ứng dụng khoa học, công nghệ tiên tiến, thân thiện với môi trường; giảm dần tỷ trọng các ngành công nghiệp dựa vào tài nguyên và lao động; tập trung phát triển ngành công nghiệp chế biến các sản phẩm chủ lực của tỉnh; năng lượng sạch, năng lượng tái tạo; khuyến khích đầu tư công nghiệp công nghệ cao, công nghệ thông minh, chuyển đổi số để nâng cao năng suất, chất lượng.

Tăng cường công tác hỗ trợ, tháo gỡ khó khăn, vướng mắc kịp thời, giúp các nhà máy phát triển ổn định; đẩy nhanh tiến độ đầu tư xây dựng các nhà máy mới, các dự án nâng công suất nhà máy đi vào hoạt động sản xuất theo đúng tiến độ. Phần đầu tốc độ tăng giá trị sản xuất ngành công nghiệp đạt 10,13% trở lên.

Tăng cường công tác quản lý, đẩy nhanh tiến độ giải phóng mặt bằng, đầu tư xây dựng cơ sở hạ tầng, khuyến khích và kêu gọi đầu tư vào các khu, cụm công nghiệp; ít nhất năm 2021 phải làm mới 01 cụm công nghiệp nằm trên quốc lộ 19.

4.3. Triển khai các giải pháp đẩy mạnh xúc tiến thương mại, chú trọng thị trường trong nước, mở rộng thị trường xuất khẩu, tăng tỷ trọng xuất khẩu qua chế biến đối với các mặt hàng chủ lực của tỉnh, gắn với xây dựng thương hiệu. Tích cực khai thác, nắm bắt thông tin về dự báo giá cả các mặt hàng xuất khẩu, xu hướng tiêu dùng của thị trường cần hướng đến xuất khẩu, về thông tin các nhà xuất nhập khẩu trong nước và nước ngoài. Có giải pháp phù hợp tuyên truyền, hỗ trợ doanh nghiệp khai thác và tận dụng ưu đãi của các Hiệp định thương mại tự do (FTA) mà Việt Nam đã ký kết. Phần đầu tổng kim ngạch xuất khẩu năm 2021 đạt 610 triệu USD; tổng mức bán lẻ hàng hóa và doanh thu dịch vụ tiêu dùng đạt 84.000 tỷ đồng. Tiếp tục triển khai chương trình “Người Việt Nam ưu tiên dùng hàng Việt Nam”. Xây dựng và triển khai Kế hoạch dự trữ hàng hóa phục vụ Tết Nguyên đán Tân Sửu 2021 để góp phần đảm bảo cung cầu và ổn định giá cả trên địa bàn tỉnh. Tổ chức các phiên chợ đưa hàng Việt về nông thôn, hàng Việt về miền núi biên giới; tổ chức các Chợ phiên nông sản an toàn thực phẩm. Triển khai ứng dụng CNTT để phục vụ cho phát triển thương mại điện tử và kinh tế số.

4.4. Tổ chức xây dựng kế hoạch đầu tư công trung hạn theo hướng tập trung nguồn lực cho các dự án hạ tầng có quy mô lớn, thúc đẩy quá trình cơ cấu lại nền

kinh tế, đổi mới mô hình tăng trưởng. Tập trung hoàn thành và nâng cao chất lượng công tác chuẩn bị đầu tư, đặc biệt các dự án quy mô lớn. Quyết liệt thực hiện các giải pháp về đẩy mạnh giải ngân, gắn với nâng cao hiệu quả quản lý, sử dụng vốn đầu tư công ngay từ đầu năm 2021 tạo tiền đề cho tăng trưởng, phát triển trong dài hạn. Thường xuyên kiểm tra, đôn đốc, gắn trách nhiệm của người đứng đầu cơ quan đơn vị với kết quả giải ngân; kiên quyết cắt giảm, điều chuyển vốn của các sở, ngành, địa phương và các dự án có tỷ lệ giải ngân thấp sang các sở, ngành, địa phương và các dự án có khả năng giải ngân tốt hơn. Hoàn thành các dự án thủy lợi Plei Thoga, hồ Tàu Dầu, thủy lợi Ia Rô... đưa vào sử dụng nhằm thích ứng với biến đổi khí hậu. Hoàn thành các thủ tục đầu tư, triển khai giải phóng mặt bằng để triển khai thi công các dự án khởi công mới trong năm 2021.

Thực hiện phân cấp trong quản lý đầu tư theo quy định của pháp luật, tạo quyền chủ động cho các cấp, các ngành, nâng cao hiệu quả đầu tư. Quản lý giám sát chặt chẽ đầu tư công, tránh thất thoát, lãng phí ngân sách nhà nước. Tăng cường kiểm tra, thanh tra, phòng, chống tham nhũng, thất thoát, lãng phí; xử lý nghiêm các hành vi vi phạm pháp luật về đầu tư công.

Triển khai các giải pháp huy động các nguồn lực để đầu tư, phân đầu tổng mức đầu tư toàn xã hội năm 2021 đạt 70.000 tỷ đồng trở lên.

4.5. Tổ chức triển khai thực hiện tốt Luật Ngân sách nhà nước, Luật Quản lý thuế, các Luật thuế sửa đổi, bổ sung và nhiệm vụ thu ngân sách nhà nước theo nghị quyết của Quốc hội; bám sát sự chỉ đạo, điều hành của Bộ Tài chính, Tổng cục Thuế, Tổng cục Hải quan, Tỉnh ủy, HĐND để triển khai chương trình hành động thực hiện kế hoạch dự toán thu ngân sách nhà nước năm 2021. Đôn đốc các tổ chức, cá nhân thực hiện kê khai, nộp thuế kịp thời vào ngân sách nhà nước tăng cường công tác phối hợp nhằm thu hồi, xử lý nợ đọng thuế có hiệu quả; thực hiện miễn thuế, giảm thuế, hoàn thuế kịp thời, đúng chế độ nhằm hỗ trợ cho người nộp thuế tái đầu tư, mở rộng sản xuất kinh doanh. Xây dựng và thực hiện có hiệu quả công tác thanh tra, kiểm tra thuế nhằm ngăn chặn kịp thời các hành vi vi phạm về thuế. Tăng cường ứng dụng CNTT vào công tác quản lý thuế; thực hiện cắt giảm thủ tục hành chính và kê khai qua mạng, kê khai điện tử, nộp thuế điện tử, hóa đơn điện tử. Phân đầu mức độ tăng trưởng là 10% trở lên.

4.6. Tăng cường hiệu lực công tác quản lý nhà nước về tiền tệ và hoạt động ngân hàng trên địa bàn và cơ cấu lại các tổ chức tín dụng theo chỉ đạo của Trung ương. Hạn chế nợ xấu phát sinh, nhất là trong bối cảnh diễn biến phức tạp của dịch Covid-19. Đẩy mạnh công tác huy động vốn, bám sát danh mục lĩnh vực dự án kêu gọi đầu tư của tỉnh và yêu cầu phát triển kinh tế - xã hội của tỉnh năm 2021 để bảo đảm đầu tư vốn tín dụng có trọng tâm, trọng điểm. Tiếp tục tháo gỡ khó khăn cho doanh nghiệp, đặc biệt là doanh nghiệp nhỏ và vừa trong việc tiếp cận vốn vay ngân hàng theo chỉ đạo của Chính phủ và Ngân hàng Nhà nước Việt Nam nhằm giúp các doanh nghiệp sản xuất - kinh doanh hiệu quả. Cùng cố các hoạt động của các Quỹ tín dụng nhân dân góp phần ngăn chặn tín dụng đen và cho vay nặng lãi tại địa phương.

4.7. Tiếp tục tăng cường các hoạt động vận tải để đáp ứng nhu cầu đi lại và vận chuyển hàng hoá của người dân, doanh nghiệp; nâng cao năng lực, hiệu quả, chất lượng và giảm chi phí dịch vụ logistics. Triển khai đồng bộ, linh hoạt các chính sách kích cầu, phục hồi du lịch nội địa trong bối cảnh dịch Covid-19 còn diễn biến phức tạp.

4.8. Chấp hành nghiêm kỷ luật, kỷ cương về quản lý, sử dụng vốn, tài sản nhà nước tại doanh nghiệp, đảm bảo nguyên tắc công khai, minh bạch. Đẩy mạnh công tác đánh giá tình hình quản lý, sử dụng đất đai và kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh các doanh nghiệp nhà nước sau khi cổ phần hóa, trong đó đánh giá quá trình thực hiện kế hoạch sản xuất kinh doanh để có giải pháp nâng cao hiệu quả hoạt động của các Công ty TNHH MTV Lâm nghiệp; tập trung xử lý các vướng mắc sau cổ phần hóa tại các Công ty cổ phần.

4.9. Tiếp tục triển khai Kiến trúc Chính quyền điện tử phiên bản 2.0 để đẩy nhanh tiến độ xây dựng Chính quyền điện tử hướng tới Chính quyền số, nền kinh tế số và xã hội số gắn với hoàn thiện thể chế, tái cấu trúc quy trình nghiệp vụ, bảo đảm an toàn thông tin, an ninh mạng. Phát triển, hoàn thiện, nâng cấp các hệ thống thông tin, các cơ sở dữ liệu nền tảng, dùng chung, cốt lõi của Chính quyền điện tử của tỉnh; duy trì hoạt động nền tảng tích hợp, chia sẻ dữ liệu của tỉnh (LGSP) để kết nối các hệ thống thông tin, cơ sở dữ liệu các ngành, địa phương trên địa bàn tỉnh và kết nối với hệ thống tích hợp, chia sẻ dữ liệu quốc gia (NGSP) và các hệ thống thông tin, cơ sở dữ liệu theo hướng dẫn của các bộ, ngành Trung ương. Ứng dụng công nghệ thông tin rộng rãi trong hoạt động của các cơ quan nhà nước, gắn kết với cải cách hành chính, nâng cao năng lực cạnh tranh (chỉ số PCI), hiệu quả quản trị và hành chính công của tỉnh (chỉ số PAPI). Tăng cường sử dụng chung cơ sở hạ tầng công nghệ số và truyền thông, nền tảng dùng chung. Tiếp tục hoàn thiện hạ tầng CNTT, bưu chính, viễn thông, ứng dụng công nghệ 5G tạo nền tảng để từng bước xây dựng chính quyền số, hạ tầng kinh tế số, xã hội số, hạ tầng kết nối thông minh. Triển khai Kế hoạch xây dựng thành phố Pleiku theo hướng đô thị thông minh.

Tiếp tục triển khai kế hoạch về cung cấp dịch vụ công trực tuyến mức độ 4 của các cơ quan hành chính nhà nước để tạo thuận lợi cho các tổ chức, doanh nghiệp, công dân trong thực hiện các thủ tục hành chính (TTHC); phấn đấu để tích hợp 100% dịch vụ công trực tuyến (DVCTT) mức độ 3, mức độ 4 của các sở, ngành, địa phương cung cấp với Cổng dịch vụ công của tỉnh và tích hợp tối thiểu 50% lên Cổng dịch vụ công quốc gia; toàn bộ hồ sơ giải quyết TTHC được thực hiện thông qua Hệ thống một cửa điện tử liên thông của tỉnh. Nâng cao tỷ lệ hồ sơ giải quyết trực tuyến trên tổng số hồ sơ giải quyết TTHC của từng sở, ngành, địa phương.

Tăng cường sử dụng văn bản điện tử; chữ ký số chuyên dùng; kết nối, liên thông tất cả phần mềm Quản lý văn bản và điều hành của các sở, ban, ngành, địa phương qua nền tảng tích hợp, chia sẻ dữ liệu của tỉnh (LGSP). Ứng dụng công nghệ thông tin để họp trực tuyến, giảm thời gian và sử dụng tài liệu giấy trong hội họp. Phát huy hiệu quả hệ thống thông tin báo cáo của tỉnh với hệ thống thông tin báo cáo Chính phủ.

Triển khai các giải pháp thúc đẩy, hỗ trợ chuyển đổi số trong doanh nghiệp. Khuyến khích áp dụng thử nghiệm các giải pháp dịch vụ, mô hình kinh doanh mới như: kinh tế ban đêm, kinh tế tuần hoàn, kinh tế chia sẻ... và tăng cường gắn kết, hợp tác với các trường, viện nghiên cứu khoa học kỹ thuật, nhất là các trường đại học lớn, các doanh nghiệp lớn trong và ngoài nước.

4.10. Phát triển mạnh và nâng cao hiệu quả hoạt động của doanh nghiệp, kinh tế tập thể, nòng cốt là hợp tác xã. Tăng cường sự phối hợp giữa các sở, ban, ngành, địa phương với các Hiệp hội Doanh nghiệp tỉnh, Chi hội doanh nghiệp trên địa bàn các huyện, thị xã trong công tác phát triển doanh nghiệp, có năng lực cạnh tranh trên

thương trường trong nước và quốc tế; tham gia vào chuỗi giá trị và các mạng phân phối; hình thành được các sản phẩm, thương hiệu có sức lan tỏa gắn với nâng cao trách nhiệm xã hội và bảo vệ tài nguyên môi trường. Phần đầu trong năm 2021 có trên 1.200 doanh nghiệp thành lập mới. Tổng kết, rút kinh nghiệm và phát triển các mô hình hợp tác xã kiểu mới, Nông hội. Thúc đẩy sự liên kết, hợp tác giữa doanh nghiệp và hợp tác xã hướng tới mục tiêu xuất khẩu các sản phẩm nông nghiệp có thể mạnh của tỉnh để tận dụng ưu đãi của các hiệp định thương mại tự do (FTA) mà Việt Nam đã ký kết hoặc đảm bảo đủ nguồn nguyên liệu cho các nhà máy lớn trên địa bàn tỉnh. Khuyến khích doanh nghiệp, hợp tác xã áp dụng các mô hình kinh doanh mới, công nghệ mới; xây dựng thương hiệu doanh nghiệp của tỉnh. Tiếp tục triển khai chương trình khởi nghiệp và hỗ trợ doanh nghiệp nhỏ và vừa để tập trung khai thác, tận dụng thị trường nội địa và tham gia hiệu quả vào cụm liên kết ngành, chuỗi giá trị.

5. Đa dạng hoá hình thức thu hút và sử dụng có hiệu quả các nguồn lực để xây dựng kết cấu hạ tầng đồng bộ, nhất là hạ tầng các vùng động lực.

5.1. Ưu tiên đầu tư xây dựng hệ thống các công trình giao thông, hạ tầng đô thị, các công trình có tính kết nối, lan tỏa phát triển giữa các ngành, các vùng... Kiến nghị Bộ Giao thông vận tải điều chỉnh quy hoạch chi tiết Cảng hàng không Pleiku, làm cơ sở để triển khai đầu tư nâng cấp, mở rộng nhà ga hành khách. Phối hợp thực hiện tốt dự án tăng cường kết nối giao thông khu vực Tây Nguyên (Quốc lộ 19); dự án cải tạo, nâng cấp Quốc lộ 25 đoạn qua địa bàn tỉnh; dự án cải tạo cầu yếu và cầu kết nối trên các tuyến quốc lộ, giai đoạn 2 sử dụng vốn vay EDCF của Hàn Quốc; đường 665; dự án LRAMP, dự án thủy lợi Ia Thul; lập dự án để có điều kiện khởi công năm 2022 đường vành đai thành phố Pleiku (Pleiku - Đăk Đoa - Chư Păh); đường liên huyện (Chư Sê - Chư Pưh - Chư Prông), tuyến giao thông biên giới cấp bách trên địa bàn huyện Đức Cơ...

5.2. Tăng cường huy động, sử dụng có hiệu quả các nguồn lực đầu tư; tiếp tục huy động, sử dụng có hiệu quả vốn ODA và vốn vay ưu đãi của các nhà tài trợ, vốn FDI. Triển khai nghiên cứu, xây dựng và ban hành danh mục dự án kêu gọi đầu tư theo phương thức đối tác công tư. Phần đầu phải huy động được 02 dự án trở lên.

5.3. Lồng ghép việc thực hiện 03 Chương trình mục tiêu quốc gia (xây dựng nông thôn mới; giảm nghèo bền vững; phát triển kinh tế - xã hội vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi) và các chương trình phát triển kinh tế - xã hội khác trên địa bàn tỉnh nhằm phát huy hết các nguồn lực phục vụ cho đầu tư phát triển.

6. Tiếp tục triển khai lập Quy hoạch tỉnh Gia Lai thời kỳ 2021 – 2030, tầm nhìn đến năm 2050

Phù hợp với quy hoạch tổng thể quốc gia, quy hoạch vùng; hướng dẫn các sở, ban ngành, địa phương xây dựng các chương trình, kế hoạch phát triển ngành, lĩnh vực phù hợp, đồng bộ với quy hoạch tỉnh.

7. Nâng cao chất lượng và sử dụng hiệu quả nguồn nhân lực gắn với đẩy mạnh đổi mới sáng tạo, ứng dụng và phát triển mạnh mẽ khoa học, công nghệ

7.1. Thực hiện đồng bộ các cơ chế, chính sách, giải pháp phát triển nhân lực chất lượng cao trong thời kỳ mới. Xây dựng đội ngũ cán bộ các cấp đủ phẩm chất, năng lực, dám nghĩ, dám làm, dám chịu trách nhiệm, dám đột phá vì lợi ích chung. Chú trọng phát triển nhân lực có kỹ năng nghề, đào tạo, đào tạo lại, chuyển đổi nghề cho người lao động thích ứng với cuộc Cách mạng công nghiệp lần thứ tư gắn với chuyển dịch cơ cấu kinh tế và đáp ứng nhu cầu của các doanh nghiệp có dự án đầu tư

trên địa bàn tỉnh. Tăng cường các hoạt động đào tạo nghề nghiệp cho lao động nông thôn, cho người dân tộc thiểu số, người khuyết tật và các nhóm yếu thế trong xã hội. Năm 2021, phần đầu tỷ lệ lao động qua đào tạo nghề đạt 57%, giải quyết tạo việc làm cho 26.000 lao động.

7.2. Tiếp tục thực hiện đổi mới căn bản toàn diện giáo dục và đào tạo. Rà soát, quy hoạch, phát triển mạng lưới cơ sở giáo dục và đào tạo trong tỉnh; nâng cao chất lượng, chuẩn hóa đội ngũ giáo viên và cán bộ quản lý giáo dục các cấp. Bảo đảm chất lượng, tiến độ triển khai về đổi mới chương trình, sách giáo khoa giáo dục phổ thông theo Nghị quyết số 88/2014/QH13 và Nghị quyết số 51/2017/QH14 của Quốc hội. Triển khai hiệu quả chương trình giáo dục phổ thông mới. Nâng cao chất lượng dạy học ngoại ngữ, đặc biệt là tiếng Anh ở các cấp học và trình độ đào tạo; tăng cường giáo dục đạo đức, lối sống cho học sinh, sinh viên; bảo đảm an toàn trường học. Đẩy mạnh phân cấp quản lý nhà nước và thực hiện quyền tự chủ, chịu trách nhiệm giải trình đối với các cơ sở giáo dục, hợp tác giữa các trường đại học, viện nghiên cứu với doanh nghiệp. Đổi mới phương pháp giáo dục, đào tạo theo hướng hiện đại, chuyển đổi số và ứng dụng mạnh mẽ CNTT.

7.3. Duy trì và nâng cao chất lượng các trường đạt chuẩn quốc gia, phần đầu năm 2021 đạt 54%; tiếp tục phát triển mô hình trường phổ thông dân tộc bán trú. Duy trì phổ cập giáo dục trung học cơ sở. Thực hiện có hiệu quả công tác hướng nghiệp, phân luồng học sinh sau tốt nghiệp THCS và THPT. Triển khai biên soạn, thẩm định, dạy thực nghiệm, phê duyệt và báo cáo Bộ Giáo dục và Đào tạo về tài liệu giáo dục địa phương lớp 2 và lớp 6.

7.4. Đổi mới, nâng cao chất lượng công tác đề xuất, xác định nhiệm vụ và xét duyệt; kiểm tra, giám sát; nghiệm thu, đánh giá các đề tài, dự án nghiên cứu khoa học và phát triển công nghệ. Xây dựng cơ sở uơm tạo, cung cấp thông tin, cơ chế chính sách, đào tạo về hoạt động khởi nghiệp và đổi mới sáng tạo. Tăng cường phổ biến áp dụng tiêu chuẩn, quy chuẩn kỹ thuật và hàng rào kỹ thuật trong thương mại (TBT) đến các doanh nghiệp, cơ sở sản xuất. Hướng dẫn xây dựng và tiếp nhận đăng ký công bố hợp chuẩn, hợp quy; hồ sơ đăng ký mã số mã vạch. Hỗ trợ và hướng dẫn xây dựng nhãn hiệu chứng nhận, nhãn hiệu tập thể và chỉ dẫn địa lý cho các sản phẩm chủ lực, sản phẩm đặc sản của các địa phương trên địa bàn tỉnh. Hướng dẫn vận động các tổ chức, doanh nghiệp xây dựng và áp dụng các hệ thống quản lý chất lượng tiên tiến trong sản xuất kinh doanh. Tiếp tục triển khai Đề án tăng cường, đổi mới hoạt động đo lường, hỗ trợ doanh nghiệp Việt Nam nâng cao năng lực cạnh tranh, hội nhập quốc tế và Đề án triển khai áp dụng, quản lý hệ thống truy xuất nguồn gốc; Chương trình quốc gia hỗ trợ doanh nghiệp nâng cao năng suất và chất lượng sản phẩm, hàng hóa giai đoạn 2021-2030.

8. Phát triển văn hóa, xã hội, gắn kết hài hòa giữa phát triển kinh tế với phát triển xã hội

8.1. Thực hiện tốt công tác tuyên truyền các nhiệm vụ chính trị; tổ chức các hoạt động chào mừng các ngày lễ. Quản lý tốt các hoạt động tổ chức lễ hội, biểu diễn nghệ thuật. Bảo tồn, phát huy các giá trị di sản văn hóa dân tộc. Tuyên truyền Nghị quyết Đại hội Đảng bộ tỉnh Gia Lai nhiệm kỳ 2020 - 2025, Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ XIII của Đảng, bầu cử Quốc hội khóa XV và HĐND các cấp nhiệm kỳ 2021-2026; đồng thời chú trọng công tác phòng, chống dịch Covid-19. Tổ chức Hội thảo khoa học về chiến thắng Đak Pơ. Triển khai công tác khảo cổ học tại huyện Phú

Thiện, thị xã An Khê; đăng ký di vật, cổ vật, bảo vật để nghi công nhận bảo vật quốc gia; xây dựng hồ sơ di tích quốc gia đặc biệt Tây Sơn Thượng đạo.

8.2. Tiếp tục mở rộng và đa dạng hóa các hoạt động thể dục thể thao đáp ứng nhu cầu tập luyện thể dục thể thao của các tầng lớp nhân dân. Tổ chức các giải thể thao cấp tỉnh năm 2021, đăng cai tổ chức và tham gia các giải thể thao khu vực và toàn quốc.

8.3. Tiếp tục triển khai có hiệu quả Chương trình số 43-CTr/TU ngày 26/6/2017 của Ban Thường vụ Tỉnh ủy về thực hiện Nghị quyết số 08-NQ/TW ngày 16/01/2017 của Bộ Chính trị về phát triển du lịch trở thành ngành kinh tế mũi nhọn; kế hoạch phát triển du lịch của tỉnh giai đoạn 2021-2025. Phát triển hệ sinh thái du lịch thông minh, tăng cường ứng dụng công nghệ số. Tổ chức Festival văn hóa công nghệ Tây Nguyên lần thứ II năm 2021. Đẩy mạnh liên kết phát triển du lịch với các địa phương trong nước và các nước bạn trong khu vực. Xây dựng kế hoạch phát triển mô hình du lịch nông thôn gắn với sản xuất rau, hoa và cây ăn quả. Phần đầu năm 2021 tổng lượt khách tham quan, du lịch đạt 1,1 triệu lượt; doanh thu du lịch đạt 690 tỷ đồng. Phần đầu tốc độ tăng trưởng đạt 81,6% trở lên.

8.4. Chủ động trong công tác phòng chống dịch bệnh, đặc biệt đối với các dịch bệnh nguy hiểm và dịch bệnh mới nổi. Tiếp tục triển khai quyết liệt các biện pháp phòng, chống dịch bệnh Covid-19 theo chỉ đạo và hướng dẫn của Chính phủ, Bộ Y tế và UBND tỉnh để người dân chủ động, tích cực trong việc tự phòng bệnh. Triển khai quyết liệt các biện pháp phòng chống bệnh bạch hầu trên địa bàn tỉnh; công tác vệ sinh môi trường tại các địa phương có ca bệnh theo khuyến cáo của Bộ Y tế. Tập trung chỉ đạo nâng cao chất lượng công tác khám chữa bệnh; mở rộng dịch vụ, kỹ thuật tạo điều kiện cho người bệnh tiếp cận với dịch vụ y tế có chất lượng. Làm tốt công tác phòng và điều trị khi có dịch bệnh. Triển khai có hiệu quả công tác cải cách thủ tục hành chính trong khám chữa bệnh. Thực hiện tốt Quy tắc ứng xử trong bệnh viện. Tiếp tục triển khai tốt các nội dung hợp tác với Thành phố Hồ Chí Minh. Tăng cường công tác chuyên môn cũng như công tác quản lý nhà nước về bảo hiểm y tế, thanh tra, kiểm tra hoạt động của ngành y tế, nghiêm túc xử lý các trường hợp vi phạm các quy định pháp luật. Xây dựng cơ sở dữ liệu về vệ sinh an toàn vệ sinh thực phẩm và hệ thống truy xuất nguồn gốc sản phẩm. Phần đầu năm 2021 tỷ lệ xã, phường, thị trấn đạt Tiêu chí quốc gia về y tế đạt 91% trở lên.

8.5. Huy động toàn bộ hệ thống chính trị, mọi nguồn lực thực hiện có hiệu quả Nghị quyết của Tỉnh ủy về giảm nghèo nhanh và bền vững tỷ lệ hộ nghèo trong đồng bào dân tộc thiểu số giai đoạn 2017-2020 và định hướng đến năm 2025; tăng cường công tác tuyên truyền giảm nghèo theo đa chiều đến với mọi cấp, mọi ngành, các tầng lớp dân cư, đặc biệt là người nghèo, người đồng bào dân tộc thiểu số nhằm làm chuyển biến nhận thức trong giảm nghèo, khơi dậy ý chí chủ động, vươn lên thoát nghèo bền vững đối với các hộ nghèo. Phần đầu năm 2021 giảm tỷ lệ hộ nghèo xuống còn 3%, trong đó tỷ lệ hộ nghèo đồng bào dân tộc thiểu số / tổng số hộ nghèo chiếm 85,2%. Tiếp tục đẩy mạnh các hoạt động bảo vệ, chăm sóc trẻ em; tăng cường công tác phòng, chống đuối nước và bạo lực, xâm hại trẻ em trên địa bàn tỉnh. Tăng cường các hoạt động tuyên truyền, phổ biến chính sách, pháp luật về công tác bình đẳng giới.

8.6. Tiếp tục thực hiện tốt các chính sách ưu đãi đối với người có công với cách mạng, đảm bảo an sinh xã hội. Xây dựng và thực hiện các chương trình, kế

hoạch tổ chức các hoạt động nhân dịp tết Nguyên đán Tân Sửu 2021. Theo dõi sát tình hình thiếu đói giáp hạt, thiệt hại do thiên tai, đề kịp thời cứu trợ và đề xuất hỗ trợ kịp thời. Đẩy mạnh hơn nữa công tác tìm kiếm, quy tập hài cốt liệt sỹ, xác định danh tính liệt sỹ.

8.7. Thực hiện tốt các chính sách tôn giáo, dân tộc; phát huy vai trò của người có uy tín, già làng, chức sắc tôn giáo trong cộng đồng; tăng cường tuyên truyền, phổ biến các chính sách, pháp luật của nhà nước trong vùng đồng bào dân tộc thiểu số. Triển khai có hiệu quả Chương trình Hỗ trợ ứng dụng, chuyển giao tiến bộ khoa học và công nghệ thúc đẩy phát triển kinh tế - xã hội nông thôn, miền núi, vùng dân tộc thiểu số giai đoạn 2016-2025, Chương trình MTQG phát triển kinh tế - xã hội vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi trên địa bàn tỉnh Gia Lai giai đoạn 2021-2030.

8.8. Tăng cường công tác quản lý nhà nước về bưu chính, viễn thông đáp ứng yêu cầu của doanh nghiệp và người dân, tạo điều kiện cho thị trường viễn thông phát triển nhanh, lành mạnh. Nâng cao hiệu lực, hiệu quả quản lý nhà nước về báo chí, thực hiện nghiêm quy chế phát ngôn, cung cấp đầy đủ, kịp thời, chính xác thông tin về tình hình kinh tế - xã hội, sự lãnh đạo, chỉ đạo điều hành của trung ương, của tỉnh và những vấn đề dư luận quan tâm. Bảo đảm an toàn thông tin, an ninh mạng. Kịp thời phát hiện, xử lý nghiêm các trường hợp lợi dụng, đưa tin bịa đặt, sai sự thật, kích động, gây bất ổn xã hội.

8.9. Phân đầu kéo giảm tai nạn giao thông trong năm 2021 từ 5% đến 10% ở cả 3 tiêu chí so với năm 2020. Huy động tối đa các lực lượng chức năng, thường xuyên tuần tra lưu động, kiểm soát, xử lý vi phạm, đặc biệt là các chuyên đề về kiểm soát tải trọng phương tiện, xe hết niên hạn vẫn lưu thông; xử lý vi phạm nồng độ cồn, vi phạm tốc độ; tập trung xử lý các lỗi vi phạm là nguyên nhân trực tiếp gây ra tai nạn giao thông. Ưu tiên sử dụng các nguồn kinh phí, huy động sự đóng góp của xã hội để lắp đặt camera an ninh ở các trục giao thông chính và các địa bàn trọng điểm an ninh trật tự. Chủ động rà soát, bố trí kinh phí xử lý điểm đen. Tăng cường xử lý tình trạng lấn chiếm hành lang an toàn đường bộ.

9. Quản lý, khai thác, sử dụng hiệu quả, bền vững tài nguyên thiên nhiên, bảo vệ môi trường; chủ động ứng phó có hiệu quả với biến đổi khí hậu, phòng, chống và giảm nhẹ thiên tai

9.1. Triển khai phân bổ và khoanh vùng đất đai theo khu chức năng và theo loại đất đến từng đơn vị hành chính cấp huyện trong quy hoạch tỉnh và Kế hoạch sử dụng đất kỳ đầu (2021 - 2025) của tỉnh, Quy hoạch sử dụng đất đến năm 2030 và Kế hoạch sử dụng đất năm 2021 cấp huyện. Thường xuyên rà soát tình hình quản lý sử dụng đất của dự án chậm triển khai hoặc không đưa đất vào sử dụng trên địa bàn tỉnh để xem xét thu hồi đất theo quy định. Xây dựng phương án bảo vệ, thăm dò, khai thác và sử dụng tài nguyên khoáng sản trên địa bàn tỉnh giai đoạn 2021-2030, tầm nhìn đến năm 2050 để tích hợp vào quy hoạch chung của tỉnh. Tăng cường công tác quản lý nhà nước về khoáng sản, kiên quyết xử lý nghiêm các hành vi vi phạm. Chủ động ứng phó với biến đổi khí hậu, thiên tai; tăng cường bảo vệ môi trường, triển khai kế hoạch truyền thông môi trường, lồng ghép với phong trào chống rác thải nhựa trên địa bàn tỉnh; tuyên truyền, hướng dẫn các tổ chức, doanh nghiệp, cơ sở sản xuất, cơ sở y tế thực hiện công tác bảo vệ môi trường theo quy định của pháp luật. Thường xuyên kiểm tra, xử lý các cơ sở gây ô nhiễm môi trường trên địa bàn tỉnh. Nâng cao

năng lực quan trắc, dự báo, cảnh báo khí tượng, thủy văn; nâng cao năng lực phòng, chống thiên tai và tìm kiếm, cứu nạn.

9.2. Quản lý chặt chẽ diện tích rừng hiện có; kiểm soát chặt chẽ các dự án có ảnh hưởng đến rừng, đất rừng. Xử lý nghiêm các vụ vi phạm Luật Bảo vệ và Phát triển rừng bên cạnh việc xử lý trách nhiệm của người đứng đầu địa phương, đơn vị chủ rừng.

10. Đẩy mạnh cải cách hành chính, nâng cao hiệu lực, hiệu quả quản lý nhà nước và chất lượng đội ngũ cán bộ, công chức, viên chức; thúc đẩy chuyển đổi số trong các cơ quan Đảng, Nhà nước, Mặt trận Tổ quốc, các tổ chức chính trị - xã hội; phòng, chống tham nhũng, thực hành tiết kiệm, chống lãng phí và giải quyết khiếu nại, tố cáo

10.1. Sắp xếp tổ chức bộ máy bên trong các cơ quan chuyên môn thuộc UBND cấp tỉnh, cấp huyện theo Nghị định số 107/2020/NĐ-CP ngày 14/9/2020; Nghị định số 108/2020/NĐ-CP ngày 14/9/2020 của Chính phủ và các đơn vị sự nghiệp công lập theo Nghị định số 120/2020/NĐ-CP ngày 07/10/2020 của Chính phủ quy định về thành lập, tổ chức lại, giải thể đơn vị sự nghiệp công lập. Tiếp tục thực hiện tinh giản biên chế và cơ cấu lại đội ngũ cán bộ, công chức, viên chức theo chỉ đạo của Trung ương. Chuyển một số đơn vị sự nghiệp công lập của tỉnh sang tự chủ chi thường xuyên; sáp nhập một số quỹ tài chính ngoài ngân sách của tỉnh và sáp nhập một số hội có nhiệm vụ tương đồng của tỉnh theo Nghị quyết 19-NQ/TW của Ban chấp hành Trung ương và Chương trình 64-CTr/TU ngày 05/6/2018 của Tỉnh ủy. Triển khai thực hiện Nghị quyết quy định về chế độ, chính sách đối với CBCC cấp xã và người hoạt động không chuyên trách ở cấp xã, ở thôn, tổ dân phố theo Nghị định số 34/2019/NĐ-CP ngày 24/4/2019 của Chính phủ và Thông tư số 13/2019/TT-BNV ngày 06/11/2019 của Bộ Trưởng Bộ Nội vụ. Quy định về số lượng và trình độ chuyên môn đối với công chức cấp xã và ngành đào tạo đối với công chức cấp xã và quy chế tuyển dụng công chức cấp xã trên địa bàn tỉnh. Quản lý chặt chẽ việc sắp xếp, điều chỉnh, thành lập mới và phân loại đơn vị hành chính các cấp. Đẩy mạnh phân cấp quản lý cán bộ, công chức, viên chức.

10.2. Triển khai Đề án xây dựng cơ sở dữ liệu quốc gia về cán bộ, công chức, viên chức trong các cơ quan Nhà nước. Xây dựng Kế hoạch và triển khai thực hiện Đề án "Chương trình quốc gia về học tập ngoại ngữ cho cán bộ, công chức, viên chức giai đoạn 2019 - 2030" theo Quyết định số 1659/QĐ-TTg ngày 19/11/2019 của Thủ tướng Chính phủ. Triển khai Kế hoạch đào tạo, bồi dưỡng năm 2021, chú trọng bồi dưỡng, cập nhật kiến thức mới, bồi dưỡng theo ngạch, bậc, tiêu chuẩn chức danh. Đẩy mạnh ứng dụng CNTT trong tuyển dụng công chức, viên chức.

10.3. Xây dựng và triển khai chương trình, kế hoạch cải cách hành chính giai đoạn 2021-2030; giai đoạn 2021-2025 của tỉnh. Tiếp tục thực hiện nghiêm Kế hoạch số 205/KH-UBND ngày 23/01/2019 của UBND tỉnh về triển khai thực hiện Chương trình hành động của Chính phủ về cắt giảm chi phí cho doanh nghiệp trên địa bàn tỉnh. Chủ động rà soát đơn giản hóa và cải tiến quy trình, thủ tục hành chính đảm bảo đúng và thuận lợi cho người dân. Xử lý nghiêm, kịp thời các tổ chức, cá nhân, gây những nhiễu, thao túng, vi phạm khi thực thi công vụ, vi phạm quy định của pháp luật. Tiếp tục triển khai Đề án dịch vụ hành chính công trên địa bàn tỉnh.

10.4. Tiếp tục triển khai đồng bộ các hoạt động hỗ trợ pháp lý cho doanh nghiệp, hợp tác xã trong hoạt động, sản xuất, kinh doanh. Tăng cường hiệu lực, hiệu

quả quản lý nhà nước và ứng dụng CNTT trong các lĩnh vực hỗ trợ tư pháp, hành chính tư pháp, bảo đảm phục vụ tốt hơn nhu cầu của người dân.

10.5. Tăng cường thanh tra công tác quản lý nhà nước trên các lĩnh vực quan trọng của các ngành, các cấp, tập trung vào những lĩnh vực dễ phát sinh tiêu cực, tham nhũng, vấn đề gây bức xúc trong đời sống xã hội, đảm bảo khách quan, đúng quy định. Tăng cường phối hợp, tránh chồng chéo trong các hoạt động thanh tra, kiểm tra, không gây khó khăn cho hoạt động sản xuất kinh doanh của doanh nghiệp.

10.6. Tăng cường phòng, chống, phát hiện, xử lý nghiêm các vụ việc tham nhũng, tiêu cực, vi phạm pháp luật; đẩy nhanh tiến độ điều tra, truy tố, xét xử các vụ việc nghiêm trọng, xã hội quan tâm. Thực hiện nghiêm trách nhiệm của người đứng đầu trong công tác tiếp công dân, đối thoại, giải quyết khiếu nại, tố cáo của công dân; đồng thời kiên quyết xử lý nghiêm đối với các đối tượng lợi dụng việc tố cáo để vu khống, xúc phạm. Tập trung rà soát, phân loại án dân sự, làm tốt công tác xác minh điều kiện thi hành án nhằm thi hành kịp thời các bản án, quyết định của Tòa án đã có hiệu lực. Tăng cường xử lý, ngăn chặn có hiệu quả tình trạng nhũng nhiễu, gây phiền hà cho người dân, doanh nghiệp trong giải quyết công việc.

11. Củng cố quốc phòng, an ninh, giữ vững an ninh chính trị, trật tự an toàn xã hội, nâng cao hiệu quả công tác đối ngoại, hội nhập quốc tế

11.1. Tiếp tục củng cố và xây dựng khu vực phòng thủ giữ vững nền quốc phòng toàn dân, an ninh nhân dân, an ninh biên giới, nhất là tại các địa bàn trọng điểm vùng biên giới. Tăng cường bám sát cơ sở, nắm chắc tình hình nội biên, ngoại biên, tuần tra, kiểm soát địa bàn, giữ vững ổn định an ninh chính trị, trật tự xã hội. Tích cực vận động, tuyên truyền, đấu tranh, bóc gỡ các điểm nhóm phức tạp FULRO, "Tin lành Đegar", các đường dây đưa người dân tộc thiểu số vượt biên.

11.2. Thực hiện có hiệu quả phong trào toàn dân bảo vệ an ninh tổ quốc; đề cao vai trò, trách nhiệm của các ngành, đoàn thể, tổ chức xã hội, trường học, gia đình trong công tác bảo đảm an ninh trật tự. Triển khai các giải pháp phòng ngừa xã hội đối với tội phạm và chuyển hóa các địa bàn phức tạp về trật tự an toàn xã hội. Mở các đợt cao điểm tấn công trấn áp tội phạm theo từng chuyên đề, nhất là các băng nhóm, tội phạm đòi nợ thuê, tín dụng đen, cho vay nặng lãi, xâm phạm môi trường, tài nguyên rừng, tội phạm giết người. Đảm bảo an ninh mạng, phòng ngừa tấn công mạng. Nâng cao chất lượng công tác điều tra án, không để xảy ra oan sai, bỏ lọt tội phạm. Triển khai quyết liệt các biện pháp để đấu tranh, ngăn chặn tội phạm ma túy, mua bán người, trẻ em. Tăng cường kiểm tra, giám sát công tác phòng cháy chữa cháy và cứu nạn cứu hộ.

11.3. Chủ động giải quyết kịp thời các vụ việc an ninh nông thôn, tranh chấp, khiếu kiện trong dân, nhất là các vụ việc có dấu hiệu phức tạp, kéo dài, đông người, liên quan đến đồng bào dân tộc thiểu số; các hoạt động lợi dụng tôn giáo để chống phá chính quyền, xây dựng, coi nới cơ sở thờ tự trái pháp luật; giảm thiểu các tai, tệ nạn xã hội như tự tử, chết đuối.

11.4. Bảo đảm tuyệt đối an ninh, an toàn các mục tiêu, sự kiện chính trị, văn hoá, đối ngoại của tỉnh, của đất nước như: Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ XIII của Đảng, bầu cử đại biểu Quốc hội khoá XV, bầu cử đại biểu Hội đồng nhân dân các cấp nhiệm kỳ 2021-2026.

11.5. Nâng cao hiệu quả công tác hội nhập quốc tế, trọng tâm là hội nhập kinh tế quốc tế. Nâng tầm đối ngoại đa phương, chủ động thúc đẩy và làm sâu sắc quan hệ song phương với các đối tác truyền thống. Quan tâm hỗ trợ cộng đồng người Việt Nam ở nước ngoài, thực hiện hiệu quả công tác bảo hộ công dân. Đẩy mạnh và đổi mới công tác thông tin đối ngoại, quảng bá hình ảnh tỉnh Gia Lai ra nước ngoài, vận động, kêu gọi đầu tư nước ngoài vào tỉnh.

12. Nâng cao hiệu quả công tác dân vận, thực hiện tốt quy chế dân chủ cơ sở, tăng cường phối hợp công tác với Ủy ban Mặt trận Tổ quốc, các tổ chức chính trị - xã hội, đoàn thể nhân dân; đẩy mạnh thông tin truyền thông, tạo niềm tin, đồng thuận xã hội

12.1. Tập trung tuyên truyền về đường lối, chính sách của Đảng, pháp luật của Nhà nước; Nghị quyết Đại hội Đại biểu tỉnh Đảng bộ tỉnh lần thứ XVI nhiệm kỳ 2020-2025; kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội năm 2021 của tỉnh và các sự kiện lớn, đặc biệt là Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ XIII của Đảng, bầu cử Quốc hội, Hội đồng nhân dân các cấp. Chú trọng tuyên truyền, cổ vũ những gương người tốt, việc tốt, điển hình tiên tiến, vượt khó vươn lên, có tác động lan toả tích cực, khơi dậy lòng yêu nước, niềm tự hào dân tộc và khát vọng phát triển tỉnh Gia Lai. Thực hiện nghiêm cơ chế phát ngôn, tăng cường kỷ luật báo chí, kịp thời phản hồi lại thông tin và cải chính trên báo chí các thông tin sai sự thật, chưa đúng bản chất sự việc, gây tác động xấu trong xã hội. Đẩy mạnh hoạt động thông tin cơ sở, thông tin đối ngoại trong tình hình mới. Tăng cường tiếp xúc, đối thoại, trao đổi, tiếp nhận thông tin phản hồi về các cơ chế, chính sách, nhất là cơ chế, chính sách gắn liền với cuộc sống của người dân và hoạt động của doanh nghiệp. Bảo đảm quyền được thông tin và cơ hội tiếp cận thông tin của nhân dân, đặc biệt là ở vùng sâu, vùng xa, vùng đồng bào dân tộc thiểu số.

12.2. Tăng cường công tác thông tin tuyên truyền, nâng cao hiệu quả phối hợp giữa các cơ quan, tổ chức, Ủy ban Mặt trận Tổ quốc, đoàn thể các cấp, làm tốt công tác dân vận đồng thời phát huy vai trò của Mặt trận tổ quốc Việt Nam, các đoàn thể trong vận động các tầng lớp nhân dân thực hiện chủ trương, chính sách, pháp luật của Đảng và Nhà nước góp phần tạo đồng thuận xã hội. Góp phần thực hiện thắng lợi Kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội và Dự toán ngân sách nhà nước năm 2021.

III. TỔ CHỨC THỰC HIỆN

1. Căn cứ vào Kế hoạch hành động này và các Nghị quyết của Tỉnh ủy, Hội đồng nhân dân tỉnh, kế hoạch của Ủy ban nhân dân tỉnh về triển khai nhiệm vụ năm 2021 và **nhiệm vụ giao cụ thể tại phụ lục số 1, số 2 và số 3**, giám đốc các sở; thủ trưởng các ban, ngành, đơn vị; chủ tịch Ủy ban nhân dân các huyện, thị xã, thành phố theo chức năng, nhiệm vụ được giao nghiêm túc triển khai thực hiện nhanh, hiệu quả, thực chất và toàn diện các nhiệm vụ, giải pháp nêu trên tạo chuyển biến rõ nét ngay từ đầu năm; trực tiếp chịu trách nhiệm thực hiện nhiệm vụ sau:

1.1. Trước ngày 20/01/2021, xây dựng và ban hành kế hoạch hành động, các văn bản cụ thể, trong đó xác định rõ, đầy đủ các mục tiêu, nhiệm vụ, giải pháp, tiến độ cho đơn vị mình để làm cơ sở triển khai thực hiện.

1.2. Theo dõi sát diễn biến trong tỉnh, trong nước, quốc tế và ở địa phương mình và trên cơ sở Nghị quyết, chủ động phân tích, đánh giá, dự báo để có các giải pháp chỉ đạo điều hành thực hiện có hiệu quả các nhiệm vụ, chịu trách nhiệm trước Ủy ban nhân dân tỉnh về việc triển khai thực hiện Nghị quyết Tỉnh ủy, Hội đồng nhân dân tỉnh và kế hoạch hành động của Ủy ban nhân dân tỉnh theo chức năng, nhiệm vụ được giao.

1.3 Chủ động nghiên cứu, xây dựng, ban hành hoặc đề xuất cơ quan có thẩm quyền ban hành các chính sách cụ thể để tháo gỡ khó khăn, hỗ trợ doanh nghiệp, người dân bị ảnh hưởng nặng nề bởi đại dịch Covid-19 phù hợp tình hình và diễn biến của dịch bệnh.

1.4. Định kỳ hàng tháng, quý kiểm tra, giám sát tiến độ và kết quả thực hiện các mục tiêu, nhiệm vụ đề ra. Chủ động xử lý theo thẩm quyền hoặc đề xuất cấp có thẩm quyền giải pháp nhằm xử lý kịp thời đối với những vấn đề phát sinh.

1.5. Chế độ báo cáo định kỳ (các sở, ban, ngành và Cục Thống kê tỉnh):

- Báo cáo tình hình thực hiện nghị quyết số 01/NQ-CP của Chính phủ và tình hình kinh tế - xã hội định kỳ hàng tháng, gửi Sở Kế hoạch và Đầu tư, Văn phòng Ủy ban nhân dân tỉnh trước ngày 15 tháng hàng tháng để tổng hợp, báo cáo Ủy ban nhân dân tỉnh gửi Bộ Kế hoạch và Đầu tư trước ngày 20 hàng tháng.

- Báo cáo đánh giá tình hình thực hiện kế hoạch hành động và thực hiện nhiệm vụ tại phụ lục số 1, số 2 và số 3 theo định kỳ hàng quý, gửi Sở Kế hoạch và Đầu tư, Văn phòng Ủy ban nhân dân tỉnh trước ngày 10 tháng cuối quý để tổng hợp, báo cáo Ủy ban nhân dân tỉnh chỉ đạo và gửi Bộ Kế hoạch và Đầu tư.

- Tổng kết, đánh giá tình hình thực hiện kế hoạch hành động này trong phạm vi chức năng, nhiệm vụ được giao, báo cáo về Sở Kế hoạch và Đầu tư, Văn phòng Ủy ban nhân dân tỉnh trước ngày 05/11/2021 để tổng hợp, báo cáo Ủy ban nhân dân tỉnh và gửi Bộ Kế hoạch và Đầu tư trước ngày 20/11/2021.

2. Giao Sở Kế hoạch và Đầu tư chủ trì, phối hợp với Văn phòng Ủy ban nhân dân tỉnh và các cơ quan có liên quan đôn đốc, theo dõi, kiểm tra tình hình thực hiện kế hoạch hành động này.

3. Sở Thông tin và Truyền thông chủ trì, phối hợp với Ban Tuyên giáo Tỉnh ủy, các cơ quan thông tấn, báo chí hoạt động trên địa bàn tỉnh, các sở, ban, ngành, huyện thị xã, thành phố, tổ chức, phổ biến, tuyên truyền rộng rãi kế hoạch hành động của tỉnh Gia Lai triển khai thực hiện Nghị quyết số 01/NQ-CP của Chính phủ về những giải pháp chủ yếu chỉ đạo điều hành phát triển kinh tế - xã hội và dự toán ngân sách nhà nước năm 2021.

4. Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh đề nghị Ủy ban Mặt trận Tổ quốc Việt Nam tỉnh, các tổ chức, hội, đoàn thể tuyên truyền, vận động đoàn viên, hội viên cùng các tầng lớp nhân dân đoàn kết, chung sức, đồng lòng thực hiện mục tiêu phát triển kinh tế - xã hội năm 2021 theo Nghị quyết của Tỉnh ủy, Hội đồng nhân dân tỉnh và các giải pháp điều hành của Ủy ban nhân dân tỉnh tại kế hoạch này./.



Phụ lục 1
PHẦN CÔNG CHỮ TRÌ, THỰC HIỆN, THEO DÕI, ĐÁNH GIÁ CÁC CHỈ TIÊU KẾ HOẠCH PHÁT TRIỂN KINH TẾ -
XÃ HỘI, MÔI TRƯỜNG NĂM 2021

(Ban hành kèm theo Quyết định số 38/QĐ-UBND ngày 10/1/2021 của Chủ tịch UBND tỉnh)

Stt	Chỉ tiêu	Đơn vị	Chỉ tiêu phần đầu năm 2021	Thời gian báo cáo	Ghi chú
I	Cục Thống kê tỉnh				
1	Tốc độ tăng tổng sản phẩm trên địa bàn tỉnh GRDP (giá so sánh 2010)	%	8,0	6 tháng, năm	Sở Kế hoạch và Đầu tư phối hợp
2	GRDP bình quân đầu người	Triệu đồng	55,99	Năm	
3	GRDP theo giá hiện hành	Tỷ đồng	87.558,04	Năm	
4	Tốc độ tăng Chỉ số giá tiêu dùng (CPI)	%	(1)	Hàng tháng	
5	Tổng vốn đầu tư toàn xã hội trên địa bàn tỉnh	Tỷ đồng	70.000 trở lên	Quý, 6 tháng, 9 tháng, năm	
II	Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn				
6	Giá trị sản xuất ngành Nông - Lâm - Thủy Sản	Tỷ đồng	31.880	6 tháng, cả năm	Cục Thống kê phối hợp
7	Số xã đạt chuẩn nông thôn mới	Xã	19	Năm	
-	Lũy kế số xã đạt chuẩn nông thôn mới	Xã	107	Năm	
-	Số địa phương cấp huyện đạt chuẩn nông thôn mới	Huyện	2	Năm	
8	Tỷ lệ dân số nông thôn được sử dụng nước hợp vệ sinh	%	97,3	Năm	
9	Tỷ lệ diện tích che phủ rừng (kể cả cây cao su)	%	47,00	Năm	

Chỉ tiêu		Đơn vị	Chỉ tiêu phân đầu năm 2021	Thời gian báo cáo	Ghi chú
Stt					
10					
Diện tích trồng rừng mới (2)		Ha	8.000 trở lên	Quý, 6 tháng, 9 tháng, năm	
III Sở Công Thương					
11	Giá trị sản xuất ngành Công nghiệp	Tỷ đồng	24.800	Quý, 6 tháng, 9 tháng, năm	Cục Thống kê phối hợp
12	Chỉ số sản xuất công nghiệp (IIP)	%	(3)	Hàng tháng	
13	Tổng mức bán lẻ hàng hoá và doanh thu dịch vụ tiêu dùng trên địa bàn	Tỷ đồng	84.000	Hàng tháng	
14	Kim ngạch xuất khẩu hàng hóa trên địa bàn	Triệu USD	610	Hàng tháng	
15	Kim ngạch nhập khẩu	Triệu USD	95	Hàng tháng	
16	Điện SX trên địa bàn	Tr. kwh	7.600	Hàng tháng	
IV Sở Tài chính					
17	Tổng thu ngân sách nhà nước trên địa bàn	Tỷ đồng	5.047	Hàng tháng	Cục Thuế phối hợp
18	Tổng thu ngân sách nhà nước / GRDP hiện hành	%	5,76	Năm	
19	Tăng thu so với dự toán ngân sách nhà nước	%	3	Năm	Cục Thuế phối hợp
20	Chi đầu tư phát triển / Tổng chi cân đối ngân sách địa phương	%	20,20	Năm	
V Sở Xây dựng					
21	Tỷ lệ đô thị hóa	%	31	Năm	
22	Tỷ lệ dân số đô thị được cung cấp nước sạch qua hệ thống cấp nước tập trung	%	70,00	Năm	



Chỉ tiêu		Đơn vị	Chỉ tiêu phần đầu năm 2021	Thời gian báo cáo	Chi chú
Số					
23	Diện tích nhà ở bình quân đầu người	m2/người	20,50	Năm	
VI	Sở Lao động - Thương binh và Xã hội				
24	Số lao động được tạo việc làm mới	Người	26.000	Năm	
-	<i>Trong đó:</i> Số lao động đi làm việc ở nước ngoài theo hợp đồng	Người	1.400	Năm	
25	Tỷ lệ lao động được đào tạo so với tổng số lao động	%	57	Năm	Cục Thống kê phối hợp
	<i>Trong đó:</i> Tỷ lệ lao động qua đào tạo nghề	%	36,9	Năm	
26	Tỷ lệ hộ nghèo giảm còn (theo chuẩn nghèo đa chiều)	%	3,00	Năm	
-	Mức giảm tỷ lệ hộ nghèo	%	2,38	Năm	
-	Mức giảm tỷ lệ hộ nghèo trong đồng bào dân tộc thiểu số	%	2,40	Năm	
-	Mức giảm tỷ lệ hộ nghèo huyện Kông Chro	%	3,00	Năm	
27	Số xã, phường, thị trấn đạt tiêu chuẩn phù hợp với trẻ em	Xã, phường, thị trấn	140	Năm	
28	Tỷ lệ xã, phường, thị trấn đạt tiêu chuẩn phù hợp với trẻ em	%	63,64	Năm	
VII	Sở Giáo dục và Đào tạo				
29	Tỷ lệ trường đạt chuẩn quốc gia	%	≥ 54	Năm	
30	Tỷ lệ trẻ em trong độ tuổi đi học mẫu giáo	%	90,50	Năm	
31	Tỷ lệ học sinh đi học đúng độ tuổi tiểu học	%	99,90	Năm	
32	Tỷ lệ học sinh đi học đúng độ tuổi trung học cơ sở	%	92,60	Năm	

	Chỉ tiêu	Đơn vị	Chỉ tiêu phấn đấu năm 2021	Thời gian báo cáo	Ghi chú
33	Tỷ lệ học sinh đi học đúng độ tuổi trung học phổ thông	%	52,20	Năm	
VIII- Số Y tế					
34	Tỷ lệ tăng dân số tự nhiên	%	1,15	Năm	
35	Tỷ lệ xã, phường, thị trấn đạt tiêu chí quốc gia về y tế	%	≥ 91	Năm	
36	Số giường bệnh/vạn dân (không tính giường trạm y tế xã)	Giường	27,5	Năm	
37	Số bác sỹ/vạn dân	Bác sỹ	8,2	Năm	
38	Tỷ số giới tính của trẻ em mới sinh	Số bé trai/ 100 bé gái	105,5	Năm	
39	Tỷ suất tử vong mẹ trên một trăm nghìn trẻ đẻ sống	Người	4,0	Năm	
40	Tỷ lệ trẻ em dưới 5 tuổi suy dinh dưỡng (cân nặng theo tuổi)	%	18,8	Năm	
41	Tỷ lệ trẻ dưới 5 tuổi bị suy dinh dưỡng (chiều cao theo tuổi)	%	32,7	Năm	
42	Tỷ lệ trẻ em dưới 1 tuổi được tiêm chủng đầy đủ các loại vắc xin	%	97,0	Năm	
43	Tỷ lệ trạm y tế xã, phường, thị trấn có bác sỹ làm việc	%	92,5	Năm	
IX- Bảo hiểm Xã hội tỉnh					
44	Tỷ lệ người dân tham gia bảo hiểm y tế	%	91,50	Năm	
45	Tỷ lệ lao động tham gia bảo hiểm xã hội bắt buộc trên lực lượng lao động trong độ tuổi	%	15,00	Năm	
46	Tỷ lệ lao động tham gia bảo hiểm thất nghiệp	%	12,00	Năm	
X- Sở Tài nguyên và Môi trường					



Chi tiêu		Đơn vị	Chỉ tiêu phần đầu năm 2021	Thời gian báo cáo	Ghi chú
Số					
47	Tỷ lệ chất thải sinh hoạt được thu gom và xử lý ở đô thị	%	95,30	Năm	
XI Sở Giao thông vận tải					
48	Doanh thu vận tải	Tỷ đồng	6.450	Hàng tháng	
49	Khối lượng vận chuyển hàng hóa	Nghìn tấn	32.100	Hàng tháng	
50	Khối lượng luân chuyển hàng hóa	Triệu tấn.Km	5.200	Hàng tháng	
51	Khối lượng vận chuyển hành khách	Nghìn HK	25.210	Hàng tháng	
52	Khối lượng luân chuyển hành khách	Triệu HK.Km	3.900	Hàng tháng	
XII Sở Văn hóa, Thể thao và Du lịch					
53	Doanh thu du lịch	Tỷ đồng	690	Hàng tháng	
54	Số di tích được xếp hạng	Di tích	32	Năm	
-	Trong đó: Số di tích được công nhận mới	Di tích	6	Năm	
55	Số xã, phường, thị trấn có nhà văn hóa được xây dựng riêng	Xã, phường, thị trấn	110	Năm	
56	Tỷ lệ gia đình được công nhận gia đình văn hóa	%	83	Năm	
57	Tỷ lệ làng, xóm, tổ dân phố đạt chuẩn văn hóa quốc gia	%	83	Năm	
58	Tỷ lệ dân số tham gia tập luyện thể dục thể thao thường xuyên	%	34	Năm	
59	Tỷ lệ gia đình tham gia tập luyện thể dục thể thao	%	26	Năm	
XIII Sở Thông tin và Truyền thông					

Chỉ tiêu	Đơn vị	Chỉ tiêu phần đầu năm 2021	Thời gian báo cáo	Ghi chú
60 Doanh thu bưu chính viễn thông	Tỷ đồng	1.846	Hàng tháng	
61 Mật độ thuê bao Internet băng rộng	TB/100 dân	8,19	Năm	
62 Điểm bưu điện văn hóa xã đang hoạt động	Điểm	157	Năm	
63 Số thuê bao băng rộng cố định	TB/100 dân	8,19	Năm	
64 Số thuê bao băng rộng di động	TB/100 dân	50	Năm	
65 Tỷ lệ người sử dụng điện thoại thông minh trên số người sử dụng điện thoại di động	%	60	Năm	
66 Tỷ lệ hộ gia đình sử dụng cáp quang (tại khu vực đô thị)	%	50	Năm	
67 Tỷ lệ các thôn được phủ sóng di động hoặc internet	%	98,4	Năm	
68 Tỷ lệ xã có điểm phục vụ bưu chính có người phục vụ	%	86,3	Năm	
69 Tỷ lệ người sử dụng internet	%	57,22	Năm	
70 Tỷ lệ cung cấp dịch vụ công trực tuyến mức độ 3, mức độ 4 trên tổng số thủ tục hành chính thuộc thẩm quyền giải quyết của tỉnh lên Cổng dịch vụ công quốc gia	%	≥ 50	Năm	
71 Tỷ lệ dịch vụ công trực tuyến mức độ 3, mức độ 4 của các sở, ngành, địa phương cung cấp tích hợp với Cổng dịch vụ công của tỉnh	%	100,0	Năm	
72 Tỷ lệ kết quả xử lý hồ sơ thủ tục hành chính trên địa bàn tỉnh được đồng bộ đầy đủ lên Cổng dịch vụ công quốc gia	%	100	Năm	
73 Tỷ lệ hồ sơ của hệ thống một cửa điện tử được đồng bộ trạng thái lên Cổng dịch vụ công quốc gia để phục vụ việc theo dõi, giám sát, đánh giá	%	100	Năm	
74 Tỷ lệ các cơ quan thuộc UBND tỉnh xử lý văn bản, hồ sơ công việc (trừ hồ sơ mật) trên môi trường mạng			Năm	



Stt	Chỉ tiêu	Đơn vị	Chỉ tiêu phần đầu năm 2021	Thời gian báo cáo	Ghi chú
	Đối với các Sở, ngành và tương đương thuộc UBND tỉnh	%	100	Năm	
	Đối với các phòng, ban và tương đương thuộc UBND cấp huyện	%	80	Năm	
XIV	Ngân hàng Nhà nước chi nhánh tỉnh				
75	Tổng nguồn vốn huy động	Tỷ đồng	42.800	Hàng tháng	
76	Tổng số dư nợ	Tỷ đồng	99.200	Hàng tháng	
77	Tỷ lệ nợ xấu	%	≤ 3	Hàng tháng	
XV	Cục Thuế tỉnh				
78	Tỷ lệ nợ đọng thuế	%	< 5	Năm	
XVI	Sở Kế hoạch và Đầu tư				
79	Tỷ lệ về số lượng gói thầu thực hiện đấu thầu qua mạng	%	75	Năm	
80	Tỷ lệ về giá trị gói thầu thực hiện đấu thầu qua mạng	%	40	Năm	
81	Số lượng doanh nghiệp thành lập mới	DN	1.200	Hàng tháng	
82	Số lượng hợp tác xã thành lập mới	HTX	18	Hàng tháng	
XVII	Sở Nội vụ				
83	Tỷ lệ tình giảm biên chế công chức hưởng lương từ ngân sách nhà nước	%	giảm ít nhất là 10% so với số biên chế công chức được giao năm 2015	Năm	



Chỉ tiêu	Đơn vị	Chỉ tiêu phân đầu năm 2021	Thời gian báo cáo	Ghi chú
Tỷ lệ tính giảm biên chế sự nghiệp hưởng lương từ ngân sách nhà nước	%	giảm ít nhất là 10% so với số biên chế công chức được giao năm 2015	Năm	
XVIII Sở Khoa học và Công nghệ				
85 Năng suất nhân tố tổng hợp (TFP)	%	42,2	Năm	
XIX Sở Tư pháp				
86 Tỷ lệ đơn vị cấp xã cung cấp dịch vụ chứng thực bản sao điện tử từ bản chính	%	35,0	Năm	

* Ghi chú:

(1) Hàng tháng Cục Thống kê tỉnh đánh giá, báo cáo chỉ tiêu này

(2) Cơ quan chủ trì phân bổ cụ thể cho từng đơn vị, địa bàn

(3) Hàng tháng Sở Công thương phối hợp với Cục Thống kê tỉnh đánh giá, báo cáo chỉ tiêu này

Ngoài các chỉ tiêu chủ yếu trên, các sở, ban, ngành, UBND các huyện, thị xã, thành phố thực hiện các chỉ tiêu UBND tỉnh ủy quyền cho Sở Kế hoạch và Đầu tư hướng dẫn tại Văn bản số 2941/KHĐT-TH ngày 17/12/2020 về thông báo các chỉ tiêu kế hoạch phát triển KT-XH năm 2021



Phụ lục số 2
KỊCH BẢN TĂNG TRƯỞNG TỔNG SẢN PHẨM TRÊN ĐỊA BÀN TỈNH (GRDP) NĂM 2021
(Ban hành kèm theo Quyết định số 38/QĐ-UBND ngày 18 tháng 01 năm 2021 của Chủ tịch UBND tỉnh)

STT	CHỈ TIÊU	ĐVT	Kế hoạch năm 2021	Ước thực hiện quý I/2021	Ước thực hiện 6 tháng đầu năm 2021	Ước thực hiện 9 tháng đầu năm 2021	Ước thực hiện cả năm 2021	Đơn vị báo cáo
I	Tốc độ tăng tổng sản phẩm trên địa bàn tỉnh GRDP (giá so sánh 2010)	%	8,00		9,00		8,00	Cục Thống kê
1	Nông, lâm nghiệp, thủy sản	%	5,59		3,37		5,59	
2	Công nghiệp và xây dựng	%	9,92		15,23		9,92	
3	Dịch vụ	%	8,56		7,63		8,56	
4	Thuế sản phẩm	%	8,40		8,49		8,40	
II	Giá trị sản xuất ngành nông, lâm, thủy sản (tính theo giá so sánh 2010)	Tỷ đồng	31.880,0		9.253		31.880	Sở NN & PTNT
1	Nông nghiệp	Tỷ đồng	31.185		8.988		31.185	
2	Lâm nghiệp	Tỷ đồng	445		215		445	
3	Thủy sản	Tỷ đồng	250		50		250	
III	Giá trị sản xuất ngành công nghiệp (tính theo giá so sánh 2010)		24.800,0	5.760	11.345	17.806	24.800	Sở Công thương
1	Công nghiệp khai khoáng	Tỷ đồng	195	38	95	142	195	
2	Công nghiệp chế biến, chế tạo	Tỷ đồng	16.881	4.236	7.964	11.928	16.881	
3	Sản xuất và phân phối điện	Tỷ đồng	7.629	1.458	3.238	5.665	7.629	
4	Cung cấp nước, quản lý và xử lý rác thải, nước thải	Tỷ đồng	95	28	48	71	95	



CHỈ TIÊU		ĐVT	Kế hoạch năm 2021	Ước thực hiện quý I/2021	Ước thực hiện 6 tháng đầu năm 2021	Ước thực hiện 9 tháng đầu năm 2021	Ước thực hiện cả năm 2021	Đơn vị báo cáo
IV Chỉ số sản xuất công nghiệp (IIP) (1)		%						Sở Công thương
V	Tổng mức bán lẻ hàng hoá và doanh thu dịch vụ tiêu dùng (theo giá hiện hành)	Tỷ đồng	84.000	25.200	42.000	58.800	84.000	Sở Công thương
VI	Kim ngạch xuất khẩu	Tr. USD	610	165	310	440	610	Sở Công thương
VII	Kim ngạch nhập khẩu	Tr. USD	95	24	47	70	95	Sở Công thương
VIII	Tổng thu ngân sách nhà nước trên địa bàn	Tỷ đồng	5.047	1.340	2.550	3.760	5.047	Sở Công thương
IX	Doanh thu vận tải	Tỷ đồng	6.450	1.700	3.450	4.900	6.460	Sở GTVT
X	Doanh thu bưu chính viễn thông	Tỷ đồng	1.846	458	884	1.341	1.846	Sở TT&TT
XI	Doanh thu du lịch	Tỷ đồng	690	170	330	490	690	Sở VHHT & DL

Ghi chú: (1) Sở Công thương phối hợp với Cục Thống kê tỉnh báo cáo



Phụ lục 3

CÁC NHIỆM VỤ CHỦ YẾU CÁC SỞ, NGÀNH, ĐỊA PHƯƠNG THỰC HIỆN KẾ HOẠCH PHÁT TRIỂN KINH TẾ - XÃ HỘI VÀ DỰ TOÁN NGÂN SÁCH NHÀ NƯỚC NĂM 2021
(Ban hành kèm theo Quyết định số 38/QĐ-UBND ngày 8/01/2021 của Chủ tịch UBND tỉnh)

STT	Nội dung công việc	Cơ quan chủ trì	Cơ quan phối hợp	Thời gian hoàn thành
I	Nhiệm vụ về cải thiện môi trường đầu tư, kinh doanh tạo thuận lợi phát triển kinh tế xã hội; nâng cao khả năng thích ứng và sức chống chịu của nền kinh tế			
1	Xây dựng chương trình CCHC nhà nước tỉnh Gia Lai giai đoạn 2021-2030	Sở Nội vụ	Văn phòng UBND tỉnh; Sở Tư pháp; Sở Tài chính; Sở Thông tin và truyền thông; Sở Khoa học và công nghệ và các cơ quan, đơn vị, địa phương khác có liên quan	Quý III/2021
2	Quyết định thay thế quyết định số 546/QĐ-UBND của UBND tỉnh về quy trình thực hiện dự án đầu tư trên địa bàn tỉnh	Sở Kế hoạch và Đầu tư	Các sở, ban, ngành, UBND các huyện, thị xã, thành phố	Quý I/2021
3	Chương trình xúc tiến đầu tư năm 2021	Sở Kế hoạch và Đầu tư	Các sở, ban, ngành, UBND các huyện, thị xã, thành phố	Quý I/2021
4	Đánh giá năng lực cạnh tranh cấp sở, ngành, địa phương năm 2021	Sở Kế hoạch và Đầu tư	Các sở, ban, ngành, UBND các huyện, thị xã, thành phố	Quý IV/2021
II	Nhiệm vụ về đẩy mạnh thực hiện cơ cấu lại kinh tế gắn với tăng trưởng theo chiều sâu, nâng cao năng suất, chất lượng, hiệu quả, tính tự chủ và sức cạnh tranh của nền kinh tế dựa trên nền tảng khoa học công nghệ, đổi mới sáng tạo và những thành tựu của Cách mạng công nghiệp lần thứ tư			
5	Báo cáo tình hình thực hiện Nghị quyết số 27/NQ-CP ngày 21/02/2017 của Chính phủ thực hiện Nghị quyết số 05-NQ/TW ngày 01/11/2016 của Hội nghị lần thứ 4, BCH Trung ương Đảng khóa XII về một số chủ trương, chính sách lớn nhằm tiếp tục đổi mới mô hình tăng trưởng, nâng cao chất lượng tăng trưởng, năng suất lao động, sức cạnh tranh của nền kinh tế	Sở Kế hoạch và Đầu tư	Các sở, ban, ngành; UBND các huyện, thị xã, thành phố	Tháng 12/2021
6	Trình HĐND tỉnh ban hành Nghị quyết quy định mức chi xây dựng tiêu chuẩn quốc gia và quy chuẩn kỹ thuật.	Sở Tài chính	Các sở, ban, ngành, các đơn vị dự toán cấp tỉnh	Tháng 6/2021

Nội dung công việc	Cơ quan chủ trì	Cơ quan phối hợp	Thời gian hoàn thành
 Báo cáo tình hình kinh tế - xã hội năm 2021; xây dựng kế hoạch kinh tế xã hội năm 2022	Sở Kế hoạch và Đầu tư	Các sở, ban, ngành, UBND các huyện, thị xã, thành phố	Tháng 7/2021
Báo cáo đánh giá tình hình kinh tế - xã hội giai đoạn 2016-2020, xây dựng kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội giai đoạn 2021-2025	Sở Kế hoạch và Đầu tư	Các sở, ban, ngành, UBND các huyện, thị xã, thành phố	Sau khi Quốc hội phê duyệt Kế hoạch phát triển KT -XH giai đoạn 2021-2025
Báo cáo tình hình Đầu tư công năm 2021; xây dựng kế hoạch Đầu tư công năm 2022	Sở Kế hoạch và Đầu tư	Các sở, ban, ngành, UBND các huyện, thị xã, thành phố	Tháng 7/2021
Xây dựng kế hoạch Đầu tư công giai đoạn 2021-2025	Sở Kế hoạch và Đầu tư	Các sở, ban, ngành, UBND các huyện, thị xã, thành phố	Sau khi TTCTP giao KH đầu tư công trung hạn cho tỉnh
Trình HĐND tỉnh ban hành Nghị quyết quy định đối tượng và mức hỗ trợ vốn đầu tư phát triển nguồn ngân sách nhà nước thực hiện Chương trình mục tiêu quốc gia xây dựng nông thôn mới giai đoạn 2021-2025 tr ên địa bàn tỉnh Gia Lai.	Sở Kế hoạch và Đầu tư	Các sở, ban, ngành, UBND các huyện, thị xã, thành phố	Sau khi Thủ tướng Chính phủ quyết định đầu tư
Báo cáo tình hình thực hiện Kế hoạch hành động quốc gia thực hiện Chương trình nghị sự 2030 vì sự phát triển bền vững trên địa bàn tỉnh Gia Lai	Sở Kế hoạch và Đầu tư	Các sở, ban, ngành, UBND các huyện, thị xã, thành phố	Tháng 12/2021
Báo cáo tình hình triển khai thực hiện Nghị quyết số 99/NQ-CP ngày 03/10/2017 của Chính phủ ban hành Chương trình hành động thực hiện Nghị quyết số 11-NQ/TW ngày 03/6/2017 của Hội nghị lần thứ Năm BCH Trung ương Đảng khóa XII về hoàn thiện thể chế kinh tế thị trường định hướng XHCN	Sở Kế hoạch và Đầu tư	Các sở, ban, ngành; UBND các huyện, thị xã, thành phố	Tháng 12/2021
Ban hành hệ số điều chỉnh giá đất năm 2022	Sở Tài chính	Các sở, ban, ngành, UBND các huyện, thị xã, thành phố	Tháng 12/2021
Báo cáo kế hoạch tài chính – NSNN 03 năm giai đoạn 2022-2024	Sở Tài chính	Các sở, ban, ngành, các đơn vị dự toán cấp tỉnh; UBND các huyện, thị xã, thành phố	Trước ngày 30/10/2021

STT	Nội dung công việc	Cơ quan chủ trì	Cơ quan phối hợp	Thời gian hoàn thành
16	Giáo chỉ tiêu, kế hoạch tài chính, doanh thu, lợi nhuận cho 13 Công ty TNHH MTV: Xổ số kiến thiết Gia Lai, Khai thác công trình thủy lợi Gia Lai và 11 Công ty lâm nghiệp	Sở Tài chính	Sở KH&ĐT, Sở Nông nghiệp và PTNT; Sở Lao động TB&XH; các đơn vị liên quan	Tháng 3/2021
17	Đánh giá hiệu quả hoạt động và xếp loại doanh nghiệp, giám sát tài chính năm 2020 của các doanh nghiệp 100% vốn do nhà nước làm chủ sở hữu	Sở Tài chính	Sở KH&ĐT, Sở Nông nghiệp và PTNT; Sở Lao động TB&XH; các đơn vị liên quan	Tháng 6/2021
18	UBND tỉnh phê duyệt quyết toán ngân sách địa phương năm 2020	Sở Tài chính	Các sở, ban, ngành, các đơn vị dự toán cấp tỉnh; UBND các huyện, thị xã, thành phố	Trước ngày 25/9/2021
19	Trình HĐND đề nghị phân bổ dự toán ngân sách địa phương và phương án phân bổ ngân sách tỉnh năm 2022 (dự toán thu, chi NSNN năm 2022)	Sở Tài chính	Các sở, ban, ngành, các đơn vị dự toán cấp tỉnh; UBND các huyện, thị xã, thành phố	Trước ngày 30/10/2021
20	Báo cáo tình hình thực hiện dự toán thu, chi ngân sách năm 2021 và xây dựng dự toán ngân sách năm 2022	Sở Tài chính	Các sở, ban, ngành, các đơn vị dự toán cấp tỉnh; UBND các huyện, thị xã, thành phố	Trước ngày 30/10/2021
21	Báo cáo Bộ Tài chính về tình hình tài chính và kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh năm 2020 của các DNNN và doanh nghiệp có vốn nhà nước	Sở Tài chính	Các DNNN và các DN có vốn nhà nước	Tháng 6/2021
22	Quyết định phân cấp mua sắm hàng hóa, dịch vụ của các cơ quan, tổ chức, đơn vị thuộc tỉnh Gia Lai	Sở Tài chính	Các sở, ban, ngành, UBND các huyện, thị xã, thành phố	Tháng 01/2021
23	Trình HĐND tỉnh phê duyệt Kế hoạch tài chính – NSNN 05 năm giai đoạn 2021-2025	Sở Tài chính	Các sở, ban, ngành, các đơn vị dự toán cấp tỉnh; UBND các huyện, thị xã, thành phố	Trước ngày 30/10/2021
24	Trình HĐND tỉnh ban hành Nghị quyết quy định mức chi chế độ dinh dưỡng đặc thù cho các đối tượng huấn luyện viên, vận động viên thể thao khác đang tập trung tập huấn, thi đấu	Sở Tài chính	Các sở, ban, ngành, các đơn vị dự toán cấp tỉnh; UBND các huyện, thị xã, thành phố	Tháng 11/2021



STT	Nội dung công việc	Cơ quan chủ trì	Cơ quan phối hợp	Thời gian hoàn thành
25	Chương trình thực hành tiết kiệm, chống lãng phí năm 2021	Sở Tài chính	Các sở, ban, ngành, đoàn thể cấp tỉnh; UBND các huyện, thị xã, thành phố; Công ty TNHH MTV do Nhà nước nắm giữ 100% vốn điều lệ do tỉnh thành lập.	Theo Quyết định của Chính phủ ban hành Chương trình tổng thể về THPT, CLP năm 2021
26	Báo cáo kết quả thực hành tiết kiệm, chống lãng phí năm 2020	Sở Tài chính	Các sở, ban, ngành, đoàn thể cấp tỉnh; UBND các huyện, thị xã, thành phố; Công ty TNHH MTV do Nhà nước nắm giữ 100% vốn điều lệ do tỉnh thành lập.	Trước ngày 28/02/2021
27	Tình hình thực hành tiết kiệm, chống lãng phí 6 tháng đầu năm, phương hướng nhiệm vụ 6 tháng cuối năm 2021	Sở Tài chính	Các sở, ban, ngành, đoàn thể cấp tỉnh; UBND các huyện, thị xã, thành phố; Công ty TNHH MTV do Nhà nước nắm giữ 100% vốn điều lệ do tỉnh thành lập.	Tháng 5/2021
28	Báo cáo kết quả thực hành tiết kiệm, chống lãng phí năm 2021	Sở Tài chính	Các sở, ban, ngành, đoàn thể cấp tỉnh; UBND các huyện, thị xã, thành phố; Công ty TNHH MTV do Nhà nước nắm giữ 100% vốn điều lệ do tỉnh thành lập.	25/11/2021
29	Trình HĐND tỉnh để nghị ban hành Nghị quyết Quy định phân cấp nguồn thu, nhiệm vụ chi và định mức phân bổ dự toán chi thường xuyên ngân sách địa phương cho thời kỳ 2022-2025	Sở Tài chính	Các sở, ban, ngành, các đơn vị dự toán cấp tỉnh; UBND các huyện, thị xã, thành phố	Trước ngày 30/10/2021
30	Quyết định giao dự toán ngân sách nhà nước năm 2022 cho các đơn vị dự toán cấp tỉnh và các huyện, thị xã, thành phố	Sở Tài chính	Các sở, ban, ngành, các đơn vị dự toán cấp tỉnh; UBND các huyện, thị xã, thành phố	Trước ngày 15/12/2021
31	Quyết định thay thế Quyết định số 22/2017/QĐ-UBND ngày 19/6/2017 của UBND tỉnh ban hành quy định quản lý nhà nước về giá trên địa bàn tỉnh	Sở Tài chính	Các sở, ban, ngành; UBND các huyện, thị xã, thành phố	Tháng 02/2021
32	Quyết định ban hành quy chế quản lý, vận hành, khai thác cơ sở dữ liệu về giá trên địa bàn tỉnh	Sở Tài chính	Các sở, ban, ngành; UBND các huyện, thị xã, thành phố	Tháng 3/2021

STT	Nội dung công việc	Cơ quan chủ trì	Cơ quan phối hợp	Thời gian hoàn thành
33	 Quyết định thay thế Quyết định số 14/2011/QĐ-UBND ngày 08/6/2011 của UBND tỉnh về ban hành quy định về giá dịch vụ xe ra, vào bến xe ô tô trên địa bàn tỉnh	Sở Tài chính	Sở Giao thông vận tải; các sở, ban, ngành; UBND các huyện, thị xã, thành phố	Tháng 3/2021
34	Quyết định giá thóc thu thuế sử dụng đất nông nghiệp năm 2022	Cục Thuế tỉnh	Các sở liên quan thuộc tỉnh; UBND các huyện, thị xã, thành phố	Quý IV/2021
35	Danh mục các công trình dự án cần thu hồi đất bổ sung trong năm 2021	Sở Tài nguyên và Môi trường	UBND các huyện, thị xã, thành phố Pleiku	Tháng 6/2021
36	Danh mục các công trình, dự án chuyển mục đích sử dụng đất trồng lúa, đất rừng phòng hộ, đất rừng đặc dụng bổ sung trong năm 2021	Sở Tài nguyên và Môi trường	UBND các huyện, thị xã, thành phố Pleiku	Tháng 6/2021
37	Kế hoạch xuất khẩu hàng hóa tỉnh Gia Lai giai đoạn 2021-2025	Sở Công Thương	Các sở, ban, ngành; UBND các huyện, thị xã, thành phố, các hiệp hội doanh nghiệp	Quý II/2021
38	Công bố danh mục địa điểm tổ chức hội chợ triển lãm thương mại lĩnh vực ưu tiên được tổ chức hội chợ, triển lãm trên địa bàn tỉnh 2022	Sở Công Thương	Các sở, ban, ngành; UBND các huyện, thị xã, thành phố	Tháng 11/2021
39	Kế hoạch tổ chức ngày quyền người tiêu dùng Việt Nam năm 2022 trên địa bàn tỉnh Gia Lai	Sở Công Thương	Các sở, ban, ngành; UBND các huyện, thị xã, thành phố	Tháng 12/2021
40	Kế hoạch hội chợ triển lãm Thương mại và giới thiệu các sản phẩm OCOP Gia Lai năm 2021	Sở Công Thương	Các sở, ban, ngành; UBND các huyện, thị xã, thành phố	Quý I/2021
41	Phê duyệt các phương án bảo vệ đập, phương án ứng phó với tình huống khẩn cấp đập, hồ chứa thủy điện trên địa bàn tỉnh hoặc xem xét cho phép tiếp tục sử dụng các phương án đã được phê duyệt	Sở Công Thương	Các sở, ban, ngành; UBND các huyện, thị xã (nơi có công trình thủy điện)	Quý II/2021
42	Xây dựng Đề án phát triển nghiên cứu sản xuất giống cây trồng phục vụ cơ cấu lại ngành nông nghiệp tỉnh Gia Lai giai đoạn 2021-2030	Sở Nông nghiệp và PTNT	Các Sở, ban, ngành, địa phương và các cơ quan, đơn vị có liên quan	Tháng 11/2021
43	Kế hoạch phòng chống dịch bệnh động vật trên cạn và thủy sản trên địa bàn tỉnh Gia Lai năm 2022	Sở Nông nghiệp và PTNT	Sở Tài chính, Sở Kế hoạch và Đầu tư; UBND các huyện thị xã, thành phố	Tháng 8/2021

Nội dung công việc		Cơ quan chủ trì	Cơ quan phối hợp	Thời gian hoàn thành
44	Kết quả rà soát lại quy hoạch 3 loại rừng theo Nghị quyết số 100/NQ-HĐND	Sở Nông nghiệp và PTNT	Các Sở, ngành, UBND cấp huyện, các đơn vị chủ rừng	Tháng 01/2021
45	Dự án quản lý bảo vệ rừng bền vững tỉnh Gia Lai	Sở Nông nghiệp và PTNT	Sở Tài chính, Sở Kế hoạch và DT, Quỹ Bảo vệ và PTR, UBND cấp huyện	Tháng 10/2021
46	Xây dựng khung giá rừng trên địa bàn tỉnh	Sở Nông nghiệp và PTNT	Sở Tài chính, Sở Kế hoạch và DT, Quỹ Bảo vệ và PTR	Tháng 6/2021
47	Kế hoạch phòng cháy chữa cháy rừng mùa khô năm 2021-2022	Sở Nông nghiệp và PTNT	Các sở ngành có liên quan của tỉnh, UBND các huyện, thị xã, thành phố và các đơn vị chủ rừng	Tháng 11/2021
48	Kế hoạch giao rừng, cho thuê rừng của UBND cấp huyện	Sở Nông nghiệp và PTNT	Sở Tài nguyên và Môi trường, Sở Kế hoạch và Đầu tư, Sở Tài chính	Tháng 12/2021
49	Chiến lược phát triển chăn nuôi trên địa bàn tỉnh giai đoạn 2021-2030, tầm nhìn đến năm 2045	Sở Nông nghiệp và PTNT	Các Sở, ngành liên quan và UBND các địa phương trong tỉnh	Tháng 9/2021
50	Rà soát cập nhật phương án phòng chống thiên tai giai đoạn 2021-2025; phương án ứng phó với sự cố vỡ hồ, đập và xả lũ; Kế hoạch phòng chống thiên tai giai đoạn 2021-2025	Sở Nông nghiệp và PTNT	Các Sở, ngành liên quan và UBND các địa phương trong tỉnh	Tháng 11/2021
51	Kế hoạch phòng, chống bệnh Viêm da nổi cục trên địa bàn tỉnh	Sở Nông nghiệp và PTNT	Sở Tài chính, Sở Kế hoạch và Đầu tư; UBND các huyện thị xã, thành phố	Tháng 01/2021
52	Bảo vệ hồ sơ để xuất khu dự trữ sinh quyển cao nguyên Kon Hà Nừng theo thông báo của Ủy ban UNESCO thế giới	Sở Nông nghiệp và PTNT	Các sở, ngành liên quan	Năm 2021
53	Quyết định quy định mật độ chăn nuôi trên địa bàn tỉnh Gia Lai đến năm 2030	Sở Nông nghiệp và PTNT	Các Sở liên quan và UBND các huyện, thị xã, thành phố	Tháng 10/2021
54	Quyết định phê duyệt kết quả đánh giá, xếp hạng mức độ Chính quyền điện tử trong hoạt động các cơ quan nhà nước trên địa bàn tỉnh Gia Lai năm 2020	Sở Thông tin và Truyền thông	Các cơ quan trong Ban Chỉ đạo xây dựng Chính quyền điện tử tỉnh	Tháng 6/2021
55	Tham mưu Ban Thường vụ Tỉnh ủy ban hành Chỉ thị về thực hiện Chương trình Chuyển đổi số Quốc gia và xây dựng Chính quyền số trên địa bàn tỉnh	Sở Thông tin và Truyền thông	Ban Tuyên giáo Tỉnh ủy; các sở, ban ngành, địa phương	Tháng 9/2021

STT	Nội dung công việc	Cơ quan chủ trì	Cơ quan phối hợp	Thời gian hoàn thành
57	Quyết định sửa đổi, bổ sung quy chế sử dụng hệ thống số liệu điện tử công vụ trong hoạt động các cơ quan nhà nước tỉnh Gia Lai	Sở Thông tin và Truyền thông	Các sở, ngành; UBND cấp huyện	Tháng 12/2021
58	Quyết định ban hành Kế hoạch ứng dụng công nghệ thông tin trong hoạt động cơ quan nhà nước năm 2022	Sở Thông tin và Truyền thông	Các sở, ngành; UBND cấp huyện	Tháng 12/2021
59	Quyết định ban hành Quy chế phối hợp quản lý việc triển khai Hệ thống Thông tin dịch vụ công 1022 tỉnh Gia Lai	Sở Khoa học và Công nghệ	Các sở, ban, ngành; UBND cấp huyện, thị xã, thành phố và các đơn vị liên quan	Tháng 3/2021
60	Bảo cáo tình hình thực hiện Nghị quyết số 50/NQ-CP ngày 17/4/2020 của Chính phủ và Chỉ thị số 16/CT-TTg ngày 04/5/2017 của Thủ tướng Chính phủ	Sở Khoa học và Công nghệ	Các sở, ban, ngành, UBND các huyện, thị xã, thành phố	Tháng 11/2021
III	Nhóm nhiệm vụ về thu hút và sử dụng có hiệu quả các nguồn lực để xây dựng kết cấu hạ tầng đồng bộ, nhất là hạ tầng các vùng động lực			
61	Xây dựng Nghị quyết về xây dựng kết cấu hạ tầng đồng bộ, nhất là hạ tầng các vùng động lực	Sở Kế hoạch và Đầu tư	Các sở, ban, ngành, UBND các huyện, thị xã, thành phố	15/5/2021
62	Bảo cáo nghiên cứu khả thi của chương trình kiên cố hóa hạ tầng giao thông và à kênh mương trên địa bàn tỉnh Gia Lai giai đoạn 2021-2025	Sở Kế hoạch và Đầu tư	Các sở, ban, ngành, UBND các huyện, thị xã, thành phố	Quý I/2021
63	Xây dựng Nghị quyết về đẩy mạnh thu hút các nguồn lực đầu tư cho phát triển nông nghiệp, công nghiệp chế biến, công nghiệp năng lượng tái tạo và du lịch	Sở Kế hoạch và Đầu tư	Các sở, ban, ngành, UBND các huyện, thị xã, thành phố	15/8/2021
64	Xây dựng Nghị quyết về phát triển lâm nghiệp theo hướng bền vững, tăng cường sinh kế, nâng cao tỷ lệ che phủ rừng thích ứng với biến đổi khí hậu	Sở Nông nghiệp và PTNT	Các sở, ban, ngành, UBND các huyện, thị xã, thành phố	15/8/2021
IV	Nhóm nhiệm vụ về triển khai lập Quy hoạch tỉnh Gia Lai thời kỳ 2021 – 2030, tầm nhìn đến năm 2050 phù hợp với quy hoạch tổng thể quốc gia, quy hoạch vùng; hướng dẫn các sở, ban ngành, địa phương xây dựng các chương trình, kế hoạch phát triển ngành, lĩnh vực phù hợp, đồng bộ với quy hoạch tỉnh			
65	Lập quy hoạch tỉnh thời kỳ 2021-2030 theo Luật Quy hoạch năm 2017.	Sở Kế hoạch và Đầu tư	Các sở, ban, ngành, UBND các huyện, thị xã, thành phố	Tháng 12/2021
66	Quy hoạch sử dụng đất đến năm 2030 và à Kế hoạch sử dụng đất năm đầu quy hoạch cấp huyện	Sở Tài nguyên và Môi trường	UBND các huyện, thị xã, thành phố Pleiku	Quý III/2021



Nội dung công việc		Cơ quan chủ trì	Cơ quan phối hợp	Thời gian hoàn thành
66	Quy hoạch chung xây dựng Khu kinh tế cửa khẩu quốc tế Lệ Thanh, tỉnh Gia Lai	Ban Quản lý Khu kinh tế	Các sở, ngành, địa phương liên quan	Quý IV/2021
67	Lập điều chỉnh tổng thể quy hoạch chung xây dựng thành phố Pleiku và các vùng phụ cận đến năm 2040	Sở Xây dựng	Các sở, ngành liên quan, UBND cấp huyện	Quý IV/2021
68	Kế hoạch phát triển nh à hàng năm	Sở Xây dựng	Các sở, ngành liên quan, UBND cấp huyện	Quý IV/2021
69	Điều chỉnh quy hoạch chung xây dựng thị xã An Khê; thị trấn Đak Pơ; thị trấn Phú Túc	Sở Xây dựng	Sở Xây dựng và các sở, ngành liên quan	Quý I/2021
V	Nhóm nhiệm vụ về nâng cao chất lượng và sử dụng hiệu quả nguồn nhân lực gắn với đẩy mạnh đổi mới sáng tạo, ứng dụng v à phát triển mạnh mẽ khoa học, công nghệ			
70	Sắp xếp Trường Cao đẳng Sư phạm Gia Lai	Sở Nội vụ	Các sở liên quan	Quý IV/2021
71	Phê duyệt quỹ tiền lương, thù lao thực hiện năm 2020 và quỹ tiền lương, thù lao kế hoạch năm 2021 của người quản lý các công ty TNHH MTV thuộc UBND tỉnh quản lý	Sở Lao động – Thương binh và Xã hội	Sở Tài chính và các công ty TNHH MTV thuộc UBND tỉnh quản lý	Tháng 3/2021
72	Kế hoạch điều tra thu thập thông tin cung cầu lao động năm 2021	Sở Lao động – Thương binh và Xã hội	UBND các huyện, thị xã, thành phố	Tháng 5/2021
73	Đề án đưa người lao động đi làm việc có thời hạn ở nước ngoài theo hợp đồng giai đoạn 2021-2025	Sở Lao động – Thương binh và Xã hội	Các sở, ban, ngành liên quan và UBND các huyện, thị xã, thành phố.	Tháng 6/2021
74	Kế hoạch phát triển nguồn nhân lực tr ên địa bàn tỉnh Gia Lai giai đoạn 2021-2025	Sở Lao động – Thương binh và Xã hội	Các sở, ban, ngành liên quan và UBND các huyện, thị xã, thành phố.	Tháng 6/2021
75	Kế hoạch đảm bảo cơ sở vật chất cho chương trình giáo dục mầm non và giáo dục phổ thông giai đoạn 2021 – 2025 trên địa bàn tỉnh Gia Lai	Sở Giáo dục và Đào tạo	Sở, ngành liên quan; UBND các huyện, thị xã, thành phố	Tháng 6/2021
76	Kế hoạch phát triển giáo dục mầm non giai đoạn 2021-2025 trên địa bàn tỉnh Gia Lai	Sở Giáo dục và Đào tạo	Sở, ngành liên quan; UBND các huyện, thị xã, thành phố	Tháng 6/2021
77	Kế hoạch dạy học 2 buổi/ng ày cấp tiểu học giai đoạn 2021-2025 trên địa bàn tỉnh Gia Lai	Sở Giáo dục và Đào tạo	Sở, ngành liên quan; UBND các huyện, thị xã, thành phố	Tháng 3/2021
78	Kế hoạch xây dựng trường mầm non, phổ thông đạt chuẩn quốc gia tỉnh Gia Lai giai đoạn 2021-2025	Sở Giáo dục và Đào tạo	Sở, ngành liên quan; UBND các huyện, thị xã, thành phố	Tháng 3/2021

STT	Nội dung công việc	Cơ quan chủ trì	Cơ quan phối hợp	Thời gian hoàn thành
80	Kế hoạch cũng cố, phát triển, nâng cao chất lượng hoạt động của các cơ sở giáo dục thường xuyên trên địa bàn tỉnh	Sở Giáo dục và Đào tạo	Sở, ngành liên quan; UBND các huyện, thị xã, thành phố	Tháng 3/2021
81	Kế hoạch ứng dụng công nghệ thông tin trong quản lý, giáo dục - học tập giai đoạn 2021 - 2025	Sở Giáo dục và Đào tạo	Sở, ngành liên quan; UBND các huyện, thị xã, thành phố	Tháng 6/2021
82	Kế hoạch tăng cường công tác thanh tra đáp ứng yêu cầu đổi mới căn bản, toàn diện giáo dục và đào tạo trên địa bàn tỉnh Gia Lai giai đoạn 2021 - 2025	Sở Giáo dục và Đào tạo	Sở, ngành liên quan; UBND các huyện, thị xã, thành phố	Tháng 6/2021
83	Kế hoạch thực hiện Đề án "Xây dựng xã hội học tập giai đoạn 2021 - 2030" trên địa bàn tỉnh	Sở Giáo dục và Đào tạo	Sở, ngành liên quan; UBND các huyện, thị xã, thành phố	Tháng 12/2021
84	Kế hoạch thực hiện Đề án "Xây dựng nguồn tài nguyên mở, phục vụ nhu cầu học tập suốt đời của mọi người" trên địa bàn tỉnh Gia Lai	Sở Giáo dục và Đào tạo	Sở, ngành liên quan; UBND các huyện, thị xã, thành phố	Tháng 12/2021
85	Kế hoạch hỗ trợ công tác xóa mù chữ	Sở Giáo dục và Đào tạo	Sở, ngành liên quan; UBND các huyện, thị xã, thành phố	Tháng 12/2021
86	Kế hoạch huy động học sinh THCS đúng độ tuổi đến trường giai đoạn 2021-2025	Sở Giáo dục và Đào tạo	Sở, ngành liên quan; UBND các huyện, thị xã, thành phố	Tháng 6/2021
87	Kế hoạch thời gian năm học 2021-2022 của giáo dục mầm non, giáo dục phổ thông, giáo dục thường xuyên	Sở Giáo dục và Đào tạo	Sở, ngành liên quan; UBND các huyện, thị xã, thành phố	Tháng 8/2021
88	Quyết định ban hành quy định một số chính sách hỗ trợ phát triển tài sản trí tuệ tỉnh Gia Lai giai đoạn 2021-2025	Sở Khoa học và Công nghệ	Các sở, ban, ngành, UBND các huyện, thị xã, thành phố	Tháng 9/2021



Nội dung công việc		Cơ quan chủ trì	Cơ quan phối hợp	Thời gian hoàn thành
89	Quyết định ban hành Kế hoạch triển khai Đề án “Hỗ trợ hệ sinh thái khởi nghiệp đổi mới sáng tạo quốc gia đến năm 2025” trên địa bàn tỉnh Gia Lai.	Sở Khoa học và Công nghệ	Sở Kế hoạch và Đầu tư, Sở Tài chính, Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn, UBND các huyện, thị xã, thành phố và các sở, ban, ngành có liên quan	Sau khi Thủ tướng Chính phủ ban hành Quyết định sửa đổi, bổ sung một số điều của Quyết định số 884/QĐ-TTg ngày 18/5/2016
90	Kế hoạch thực hiện Chương trình quốc gia hỗ trợ doanh nghiệp nâng cao năng suất và chất lượng sản phẩm, hàng hóa giai đoạn 2021 – 2025 trên địa bàn tỉnh Gia Lai	Sở Khoa học và Công nghệ	Sở Kế hoạch và Đầu tư, Sở Tài chính, Sở Công thương, UBND các huyện, thị xã, thành phố và các sở, ngành có liên quan	Tháng 9/2021
91	Kế hoạch phát triển du lịch tỉnh Gia Lai giai đoạn 2021-2025	Sở Văn hóa, Thể thao và Du lịch	Các Sở, ban, ngành, UBND các huyện, thị xã và thành phố Pleiku	Tháng 01/2021
92	Chỉ thị của UBND tỉnh về tăng cường công tác bảo tồn và phát huy giá trị các di tích trên địa bàn tỉnh	Sở Văn hóa, Thể thao và Du lịch	Các Sở, ban, ngành, UBND các huyện, thị xã và thành phố Pleiku	Tháng 6/2021
VI	Nhóm nhiệm vụ về phát triển văn hóa, xã hội, gắn kết hai hòa giữa phát triển kinh tế			
93	Báo cáo tổng kết thi hành Luật Nuôi con nuôi	Sở Tư pháp	Sở Lao động – Thương binh và Xã hội; Sở Tài chính; Công an tỉnh; UBND các huyện, thị xã, thành phố.	Quý I/2021
94	Ban hành Kế hoạch triển khai công tác phổ biến, giáo dục pháp luật, hòa giải ở cơ sở, chuẩn tiếp cận pháp luật trên địa bàn tỉnh Gia Lai năm 2021	Sở Tư pháp	Các Sở, ban, ngành, đoàn thể tỉnh	Tháng 12/2021
95	Tiếp tục xây dựng cơ sở dữ liệu công chứng	Sở Tư pháp	Sở Tài chính, Sở Thông tin và Truyền thông	Quý I/2021
96	Ban hành Kế hoạch theo dõi tình hình thi hành pháp luật và quản lý về xử lý vi phạm hành chính năm 2022	Sở Tư pháp	Các đơn vị có liên quan	Trước ngày 30/01/2021
97	Ban hành Kế hoạch triển khai công tác pháp chế và công tác văn bản quy phạm pháp luật năm 2022 trên địa bàn tỉnh Gia Lai	Sở Tư pháp	Sở, ban, ngành cấp tỉnh; UBND cấp huyện	Tháng 12/2021

STT	Nội dung công việc	Cơ quan chủ trì	Cơ quan phối hợp	Thời gian hoàn thành
98	Sửa đổi, bổ sung Quyết định số 24/2017/QĐ-UBND về tiêu chí xét duyệt hồ sơ đề nghị thành lập Văn phòng công chứng	Sở Tư pháp	Cơ quan, tổ chức có liên quan	Quý I/2021
99	Phân định vùng dân tộc thiểu số và miền núi tỉnh Gia Lai theo trình độ phát triển giai đoạn 2021-2025	Ban Dân tộc	Các sở, ngành; UBND các huyện, thị xã, thành phố	Quý I/2021
100	Xác định các dân tộc còn gặp nhiều khó khăn, có khó khăn đặc thù trên địa bàn tỉnh Gia Lai	Ban Dân tộc	Các sở, ngành; UBND các huyện, thị xã, thành phố	Sau khi Chính phủ ban hành tiêu chí xác định
101	Đề án thực hiện Chương trình mục tiêu quốc gia phát triển kinh tế-xã hội vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi tỉnh Gia Lai giai đoạn 2021-2030	Ban Dân tộc	Các sở, ngành; UBND các huyện, thị xã, thành phố	Sau khi có hướng dẫn của trung ương
102	Phê duyệt danh sách Người có uy tín trong đồng bào dân tộc thiểu số	Ban Dân tộc	Các sở, ngành; UBND các huyện, thị xã, thành phố	Quý I/2021
103	Kế hoạch tổ chức Tháng hành động an toàn vệ sinh lao động năm 2021	Sở Lao động – Thương binh và Xã hội	Các sở, ban, ngành liên quan và UBND các huyện, thị xã, thành phố.	Tháng 3/2021
104	Kế hoạch thực hiện Chương trình giảm nghèo bền vững năm 2021	Sở Lao động – Thương binh và Xã hội	Các sở, ban, ngành, UBND các huyện, thị xã, thành phố	Quý I/2021
105	Kế hoạch thực hiện Đề án hỗ trợ trẻ em khuyết tật tiếp cận các dịch vụ bảo vệ, chăm sóc tại cộng đồng	Sở Lao động – Thương binh và Xã hội	Các sở, ban, ngành, UBND các huyện, thị xã, thành phố	Quý I/2021
106	Kế hoạch thực hiện Đề án chăm sóc vì sự phát triển toàn diện trẻ em trong những năm đầu đời tại gia đình và cộng đồng giai đoạn 2018-2025	Sở Lao động – Thương binh và Xã hội	Các sở, ban, ngành, UBND các huyện, thị xã, thành phố	Quý I/2021
107	Kế hoạch triển khai Tháng hành động vì trẻ em năm 2021	Sở Lao động – Thương binh và Xã hội	Các sở ngành liên quan và UBND các huyện, thị xã, thành phố	Tháng 5/2021
108	Kế hoạch triển khai Tháng hành động vì người cao tuổi tỉnh Gia Lai năm 2021	Sở Lao động – Thương binh và Xã hội	Các sở, ban, ngành thành viên Ban công tác người cao tuổi tỉnh.	Quý II/2021
109	Chương trình hành động quốc gia vì trẻ em giai đoạn 2021-2030	Sở Lao động – Thương binh và Xã hội	Các sở, ban, ngành thành viên Ban công tác người cao tuổi tỉnh.	Quý II/2021
110	Chương trình bảo vệ trẻ em giai đoạn 2021-2025	Sở Lao động – Thương binh và Xã hội	Các sở, ban, ngành thành viên Ban công tác người cao tuổi tỉnh.	Quý II/2021



Nội dung công việc		Cơ quan chủ trì	Cơ quan phối hợp	Thời gian hoàn thành
STT				
111	Chương trình phòng ngừa, giảm thiểu lao động trẻ em gái dưới 16 tuổi, định hướng đến năm 2030	Sở Lao động – Thương binh và Xã hội	Các sở, ban, ngành thành viên Ban công tác người cao tuổi tỉnh.	Quý II/2021
112	Kế hoạch triển khai Tháng hành động vì bình đẳng giới và phòng, chống bạo lực gia đình trên cơ sở giới	Sở Lao động – Thương binh và Xã hội	Các sở ngành liên quan và UBND các huyện, thị xã, thành phố	Tháng 8/2021
113	Kế hoạch tổ chức các hoạt động Tết Nhâm Dần 2022	Sở Lao động – Thương binh và Xã hội	Các sở, ngành, địa phương	Tháng 11/2021
114	Tổ chức xét thăng chức danh nghề nghiệp vi ên chức ngành Y tế từ hạng IV lên hạng III	Sở Y tế	Sở Nội vụ	Quý IV/2021
115	Công nhận xã đạt Tiêu chí quốc gia Y tế xã năm 2020	Sở Y tế	Các sở: Tài chính; Nội vụ; KH&ĐT; NN&PTNT; VP NTM tỉnh; UBND các huyện/TP	Quý IV/2021
116	Sơ kết 03 năm thực hiện Kế hoạch số 1657/KH-UBND ngày 31/7/2018 của UBND tỉnh thực hiện chương trình số 60-CTr-TU ngày 02/5/2018 của Tỉnh ủy Gia Lai thực hiện Nghị quyết số 21-NQ/TW ngày 25/10/2017 của Ban Chấp hành Trung ương Đảng (khóa XII) về công tác dân số trong tình hình mới	Sở Y tế	Các sở, ngành liên quan	Quý III/2021
117	Sơ kết 03 năm thực hiện Kế hoạch số 1781/KH-UBND ngày 15/8/2018 của UBND tỉnh thực hiện Chương trình số 61-CTr/TU ngày 07/5/2018 của Tỉnh ủy Gia Lai thực hiện Nghị quyết số 20-NQ/TW của Ban chấp hành Trung ương đảng (Khóa XII) về tăng cường bảo vệ, chăm sóc và nâng cao sức khỏe nhân dân trong tình hình mới	Sở Y tế	Các sở, ngành liên quan	Quý IV/2021
VII				
Nhóm nhiệm vụ về quản lý, khai thác, sử dụng hiệu quả, bền vững tài nguyên thiên nhiên, bảo vệ môi trường; chủ động ứng phó có hiệu quả với biến đổi khí hậu, phòng, chống và giảm nhẹ thiên tai				
118	Danh mục các công trình dự án cần thu hồi đất trong năm 2022	Sở Tài nguyên và Môi trường	UBND các huyện, thị xã, thành phố Pleiku	Trước ngày 30/10/2021
119	Danh mục các công trình, dự án chuyển mục đích sử dụng đất trồng lúa, đất rừng phòng hộ, đất rừng đặc dụng trong năm 2022	Sở Tài nguyên và Môi trường	UBND các huyện, thị xã, thành phố Pleiku	Trước ngày 30/10/2021

STT	Nội dung công việc	Cơ quan chủ trì	Cơ quan phối hợp	Thời gian hoàn thành
120	Phường phân bổ và khoanh vùng đất đai theo khu vực chức năng và theo loại đất từng đơn vị hành chính cấp huyện trong quy hoạch tỉnh	Sở Tài nguyên và Môi trường	Các sở, ban ngành: UBND các huyện, thị xã, thành phố Pleiku	Quý III/2021
121	Kế hoạch xây dựng giá đất cụ thể năm 2021	Sở Tài nguyên và Môi trường	Các sở, ban ngành: UBND các huyện, thị xã, thành phố Pleiku	Tháng 3/2021
122	Thông kê đất đai năm 2020 cấp tỉnh	Sở Tài nguyên và Môi trường	UBND các huyện, thị xã, thành phố Pleiku	Tháng 02/2021
123	Điều chỉnh bảng giá các loại đất giai đoạn 2020-2024 trên địa bàn tỉnh	Sở Tài nguyên và Môi trường	UBND các huyện, thị xã, thành phố Pleiku	Quý III/2021
124	Xây dựng Kế hoạch đầu tư xây dựng khai thác khoáng sản trên địa bàn tỉnh Gia Lai năm 2021	Sở Tài nguyên và Môi trường	Các sở, ban ngành và UBND các huyện, thị xã, thành phố Pleiku	Tháng 6/2021
125	Kế hoạch phát triển vật liệu xây dựng của tỉnh	Sở Xây dựng	Các sở, ngành liên quan, UBND cấp huyện	Quý IV/2021
VIII Nhóm nhiệm vụ về Đẩy mạnh cải cách hành chính, nâng cao hiệu lực, hiệu quả quản lý nhà nước và chất lượng đội ngũ cán bộ, công chức, viên chức; phòng, chống tham nhũng, thực hành tiết kiệm, chống lãng phí và giải quyết khiếu nại, tố cáo				
126	Sắp xếp lại bộ máy các sở, ngành, phòng chuyên môn thuộc UBND cấp huyện theo Nghị định số 107/2020/NĐ-CP, Nghị định số 108/2020/NĐ-CP ngày 14/9/2020 của Chính phủ.	Sở Nội vụ	Các cơ quan, địa phương liên quan	Quý I/2021
127	Phê duyệt danh mục vị trí việc làm các cơ quan hành chính, đơn vị sự nghiệp theo Nghị định số 62/2020/NĐ-CP ngày 01/6/2020 và Nghị định số 106/2020/NĐ-CP ngày 10/9/2020 của Chính phủ.	Sở Nội vụ	Các cơ quan, địa phương liên quan	Quý I/2021
128	Kế hoạch đào tạo, bồi dưỡng CBCCV tỉnh giai đoạn 2020-2025	Sở Nội vụ	Các cơ quan, địa phương liên quan	Tháng 3/2021
129	Quyết định phê duyệt quy hoạch CBCCVC đào tạo trình độ cao giai đoạn 2021-2025.	Sở Nội vụ	Các cơ quan, địa phương liên quan	Quý I/2021
130	Kế hoạch số hóa kết quả giải quyết TTHC còn hiệu lực thi hành tại các cơ quan, tổ chức, địa phương trên địa bàn tỉnh.	Sở Nội vụ	Các Sở ngành liên quan và UBND cấp huyện	Quý I/2021
131	Kế hoạch thực hiện công tác phò ờng, chống tham nhũng năm 2021 trên địa bàn tỉnh	Thanh tra tỉnh	Các cơ quan, đơn vị có liên quan	Tháng 01/2021



Nội dung công việc		Cơ quan chủ trì	Cơ quan phối hợp	Thời gian hoàn thành
Kế hoạch triển khai thực hiện Nghị định số 130/2020/NĐ-CP ngày 30/10/2020 của Chính phủ về kiểm soát tài sản, thu nhập của người có chức vụ, quyền hạn trong cơ quan, tổ chức, đơn vị trên địa bàn tỉnh		Thanh tra tỉnh	Các cơ quan, đơn vị có liên quan	Sau khi có văn bản hướng dẫn của Thanh tra Chính phủ
IX	Nhóm nhiệm vụ về củng cố quốc phòng, an ninh, giữ vững an ninh chính trị, trật tự an toàn xã hội, nâng cao hiệu quả công tác đối ngoại, hội nhập quốc tế			
133	Tăng cường công tác phòng ngừa, đấu tranh với tội phạm trộm cắp tài sản trên địa bàn tỉnh	Công an tỉnh	Các sở, ban, ngành liên quan; UBND các huyện, thị xã, thành phố	Quý I/2021
134	Hội nghị sơ kết 05 năm thực hiện Chỉ thị số 153/CT-UBND ngày 09/12/2015 và Quyết định số 44/QĐ-UBND ngày 25/4/2016 của UBND tỉnh về công tác quản lý, giáo dục đối tượng FULRO tại công đồng	Công an tỉnh	Các sở, ban, ngành, địa phương	Quý I/2021
135	Kế hoạch bảo đảm an ninh trật tự cuộc bầu cử Đại biểu Quốc hội khóa XV và bầu cử HĐND các cấp nhiệm kỳ 2020 - 2025	Công an tỉnh	Các sở, ban, ngành liên quan, UBND các huyện, thị xã, thành phố	Quý II/2021
136	Kế hoạch kiểm tra việc chấp hành các quy định của pháp luật về bảo vệ bí mật Nhà nước trên địa bàn tỉnh	Công an tỉnh	Văn phòng UBND tỉnh; Sở Thông tin và truyền thông; Sở Tư pháp.	Quý IV/2021
137	Kiểm toàn Ban Chỉ đạo công tác bảo vệ bí mật Nhà nước cấp tỉnh, cấp huyện. Ban hành quy chế bảo vệ bí mật Nhà nước của Tỉnh ủy, UBND và Đoàn ĐBQH	Công an tỉnh	Văn phòng Tỉnh ủy; Văn phòng HĐND tỉnh; Văn phòng UBND tỉnh; Văn phòng đoàn ĐBQH	Quý I/2021
138	Kế hoạch triển khai công tác bảo đảm an ninh trật tự đối với khu kinh tế, khu công nghiệp, doanh nghiệp đầu tư trực tiếp nước ngoài	Công an tỉnh	BCH Quân sự tỉnh, BCH Bộ đội Biên phòng tỉnh; các sở: Kế hoạch và Đầu tư, Tài nguyên và Môi trường, Khoa học và công nghệ, Tài chính, Lao động - Thương binh và Xã hội, Thông tin và Truyền thông, Văn hóa, Thể thao và Du lịch; Ban Quản lý Khu kinh tế tỉnh; Ngân hàng Nhà nước chi nhánh tỉnh, Liên đoàn lao động tỉnh.	Quý II/2021



STT	Nội dung công việc	Cơ quan chủ trì	Cơ quan phối hợp	Thời gian hoàn thành
139	Thành lập Ban Chỉ đạo và ban hành Quy chế hoạt động của Ban Chỉ đạo, Phương án bảo vệ Hệ thống Truyền tải điện 500kV trên địa bàn tỉnh	Công an tỉnh	BCH Quân sự tỉnh, Công ty Truyền tải điện 3 (Truyền tải điện Gia Lai); Công ty truyền tải điện 2, Đài Phát thanh và Truyền hình tỉnh; Báo Gia Lai, UBND các đơn vị: Thành phố Pleiku, Chư Sê, Chư Prông, Chư Pah, Chư Pưh, Ia Grai; các s ở: Công thương, Tư pháp, Xây dựng, Giao thông vận tải, Tài chính, Kế hoạch và đầu tư, Tài nguyên và Môi trường, Nông nghiệp và phát triển nông thôn, Giáo dục và Đào tạo	Quý I/2021
140	Hội nghị tổng kết 05 năm triển khai công tác bảo đảm an ninh, an toàn hàng không trên đ ịa bàn tỉnh.	Công an tỉnh	Các s ở: Giao thông vận tải, Thông tin và Truyền thông, Tư pháp, Xây dựng, Tài chính; BCH Quân sự tỉnh; Cảng hàng không Pleiku; Cục Hải quan, Cảng vụ hàng không miền Trung	Quý III/2021
141	Tổng kết, ban hành Quy chế phối hợp mới về thực hiện Quyết định số 57/2016/QĐ-UBND ngày 30/10/2016 ban hành quy chế phối hợp trong quản lý cư trú và hoạt động người nước ngoài tại tỉnh Gia Lai.	Công an tỉnh	Các s ở, ngành; Văn phòng UBND tỉnh, UBND các huyện, thị xã, thành phố	Quý III/2021
142	Hội nghị sơ kết 03 năm thực hiện Đề án 2 “Phòng chống tội phạm có tổ chức, tội phạm xuy ên quốc gia”.	Công an tỉnh	Các s ở: Tư pháp, Ngoại vụ, BCH Quân sự tỉnh, BCH Bộ đội Biên phòng tỉnh, VKSND tỉnh, TAND tỉnh, Mặt trận Tổ quốc Việt Nam tỉnh, Văn phòng UBND tỉnh	Quý IV/2021
143	Hội nghị sơ kết 03 năm thực hiện Chỉ thị số 18/CT-TTg ngày 16/5/2017 của Thủ tướng Chính phủ về tăng cường giải pháp phòng, chống bạo lực, xâm hại trẻ em.	Công an tỉnh	Sở Lao động - Thương binh và Xã hội, Hội liên hiệp Phụ nữ tỉnh	Quý I/2021

STT	Nội dung công việc	Cơ quan chủ trì	Cơ quan phối hợp	Thời gian hoàn thành
144	Hội nghị Tổng kết 05 năm thực hiện Chỉ thị số 10/CT-UBND ngày 06/4/2016 của UBND tỉnh về tăng cường quản lý, kiểm tra, giám sát hoạt động bán hàng đa cấp.	Công an tỉnh	Các sở, ban ngành; UBND các huyện, thị xã, thành phố	Quý I/2021
145	Kế hoạch triển khai thực hiện tháng ph ồng, chống ma túy	Công an tỉnh	Các sở, ban ngành; UBND các huyện, thị xã, thành phố	Tháng 6/2021
146	Kỷ niệm 20 năm ngày toàn dân phòng cháy chữa cháy (04/10/2001 - 04/10/2021).	Công an tỉnh	Các sở: Thông tin và Truyền thông, Văn hóa, thể thao và du lịch, Tài chính; UBND các huyện, thị xã, thành phố	Quý III/2021
147	Báo cáo HĐND tỉnh ban hành Nghị quyết quy định xử lý đối với các cơ sở trên địa bàn quản lý không bảo đảm yêu cầu về phòng cháy, chữa cháy được đưa vào sử dụng trước ngày Luật Phòng cháy, chữa cháy có hiệu lực thi hành.	Công an tỉnh	Các sở, ban, ngành; UBND các huyện, thị xã, thành phố	Quý IV/2021
148	Tham gia Chương trình quảng bá địa phương do Bộ Ngoại giao tổ chức tại Australia	Sở Ngoại vụ	Sở Kế hoạch và Đầu tư, Sở Công Thương	Tháng 9/2021
149	Tham gia Chương trình quảng bá địa phương do Bộ Ngoại giao tổ chức tại Nhật Bản - Hàn Quốc	Sở Ngoại vụ	Sở Kế hoạch và Đầu tư, Sở Công Thương	Tháng 11/2021
150	Ban hành Danh mục dự án vận động viện trợ phi chính phủ nước ngoài tỉnh Gia Lai giai đoạn 2021-2025	Sở Ngoại vụ	Sở, ban, ngành, địa phương	Tháng 8/2021
151	Kế hoạch hoạt động thông tin đối ngoại năm 2021 tr ên địa bàn tỉnh Gia Lai	Sở Thông tin và Truyền thông	Các sở, ngành, UBND các huyện, thị xã, thành phố	Tháng 01/2021